

PHỤ LỤC 1
Hướng dẫn tự đánh giá chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2023
của Sở, cơ quan tương đương Sở
(Kèm theo Công văn số 3110/SNV-CCHC ngày 20/10/2023 của Sở Nội vụ)

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC	15			
1	Ban hành và triển khai Kế hoạch CCHC	3,5			
1.1	Ban hành các Kế hoạch về CCHC (Kế hoạch CCHC năm; Kế hoạch khắc phục PAR, PAPI, SIPAS; Kế hoạch kiểm tra CCHC; Kế hoạch tuyên truyền CCHC...)	1	<p>1. Kế hoạch CCHC năm: Tối đa: 0,3đ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành đúng, đủ, kịp thời: điểm tối đa - Ban hành không kịp thời: 50% điểm tối đa - Không ban hành: 0đ <p>2. Kế hoạch khắc phục PAR-I và SIPAS: 0,3</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ban hành: điểm tối đa - Không ban hành: 0đ <p>3. Kế hoạch Kiểm tra CCHC: Tối đa: 0,2đ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa - Ban hành không kịp thời: 50% điểm tối đa - Không ban hành: 0đ <p>4. Kế hoạch tuyên truyền CCHC: Tối đa: 0,2đ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ban hành KH riêng hoặc có tích hợp nội dung trong KH CCHC năm: điểm tối đa - Không có KH hoặc không tích hợp nội dung trong KH CCHC năm: 0đ 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch CCHC: ban hành trước 10/02/2023; có bố trí kinh phí thực hiện; các biểu phụ lục xác định chi tiết nhiệm vụ, tiến độ, sản phẩm. - Các Kế hoạch CCHC năm 2023; khắc phục PAR-Index và SIPAS; kiểm tra CCHC 2023; tuyên truyền CCHC 2023... (Văn bản ký số điện tử, chứng minh thời gian ký và gửi) 	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
1.2	Chất lượng Kế hoạch (đúng, đủ, phù hợp với chỉ tiêu của	1	<ul style="list-style-type: none"> - Tất cả kế hoạch có chất lượng đạt yêu cầu: điểm tối đa - Có từ 01 Kế hoạch có chất lượng không đạt yêu 	Kế hoạch CCHC năm; Kế hoạch khắc phục PAR, PAPI, SIPAS;	Trong trường hợp Kế hoạch (04 Kế hoạch) không được ban hành hoặc

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
	Thành phố và Trung ương)		câu: 50% điểm tối đa - Từ 02 Kế hoạch trở lên có chất lượng không đạt yêu cầu: 0	Kế hoạch kiểm tra CCHC; Kế hoạch tuyên truyền CCHC...	tích hợp nội dung, tiêu chí này đạt 0 điểm.
1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch	1,5	<p>1. Kế hoạch CCHC năm: Tối đa: 0,5đ - Hoàn thành từ 85% - 100%: Tính điểm theo công thức: (Tổng tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100% - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0</p> <p>2. Kế hoạch khắc phục PAR-I và SIPAS - Hoàn thành từ 85% - 100%: Tính điểm theo công thức: (Tổng tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100% - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0 đ</p> <p>3. Kế hoạch Kiểm tra CCHC: Tối đa: 0,5đ - Hoàn thành từ 85% - 100%: Tính điểm theo công thức: (Tổng tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100% - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0 đ</p> <p>4. Kế hoạch thông tin tuyên truyền CCHC: Tối đa: 0,5đ - Hoàn thành từ 85% - 100%: Tính điểm theo công thức: (Tổng tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100% - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0 đ</p>	<p>- Báo cáo hoặc các tài liệu kiểm chứng khác (hình ảnh, công văn, thông báo, quyết định...).</p> <p>- Danh mục các nhiệm vụ, sản phẩm (gồm các nhiệm vụ, sản phẩm được giao và các nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành).</p>	<p>- Trong trường hợp Kế hoạch (04 Kế hoạch) không được ban hành hoặc tích hợp nội dung, tiêu chí này đạt 0 điểm.</p> <p>- Thống kê số nhiệm vụ trong Kế hoạch và số nhiệm vụ đã hoàn thành để tính tỷ lệ %.</p>
2	Công tác báo cáo nhiệm vụ CCHC 3	1,5	- Tất cả báo cáo (04 báo cáo định kỳ: 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm) đều được gửi đầy đủ, đúng	- Báo cáo CCHC Quý I, 6 tháng, 9 tháng,	Báo cáo CCHC Quý I, 6 tháng, 9 tháng, báo cáo CCHC năm:

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
	tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm		hạn, đảm bảo nội dung theo quy định: điểm tối đa - Có 01 báo cáo gửi trễ hạn hoặc không đảm bảo nội dung theo quy định: 75% điểm tối đa - Có 02 báo cáo gửi trễ hạn hoặc không đảm bảo nội dung theo quy định: 50% điểm tối đa - Có 03 báo cáo gửi trễ hạn hoặc không đảm bảo nội dung theo quy định: 25% điểm tối đa - Có 04 báo cáo gửi trễ hạn hoặc không đảm bảo nội dung theo quy định: 0 đ	- Báo cáo CCHC năm: gửi vào đợt bổ sung tài liệu kiểm chứng. - Báo cáo kết quả thông tin tuyên truyền CCHC (gắn với Báo cáo CCHC định kỳ)	- Thời hạn UBND Thành phố (qua Sở Nội vụ) nhận báo cáo chậm nhất ngày 15 của tháng cuối kỳ báo cáo. - Báo cáo có đủ nội dung, đúng mẫu theo quy định.
3	Công tác kiểm tra CCHC	2,5			
3.1	Tỷ lệ các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc được kiểm tra trong năm	0,5	- Hoàn thành từ 85% - 100%: Tính điểm theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100%. - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0 đ	Báo cáo, biên bản, văn bản giải trình	Xác định số cơ quan, đơn vị được kiểm tra trên thực tế so với số cơ quan, đơn vị kiểm tra trong Kế hoạch để tính tỷ lệ %.
3.2	Hoàn thành việc khắc phục các tồn tại, hạn chế được phát hiện qua kiểm tra	2	Điểm đánh giá được tính theo công thức: (b/a) *điểm tối đa + (c/a)*50%*điểm tối đa Trong đó: a là tổng số vấn đề cần phải xử lý. b là số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý. c là số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành (có dự thảo). Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa.	- Các biên bản, báo cáo, văn bản giải trình chứng minh việc có triển khai đi kiểm tra. - Văn bản chỉ đạo khắc phục sau kiểm tra (kiểm tra của đơn vị hoặc theo yêu cầu của Thành phố nếu có) - Báo cáo khắc phục các tồn tại sau kiểm tra (báo cáo khắc phục sau kiểm tra của đơn vị hoặc báo cáo khắc phục sau kiểm tra của Thành phố yêu cầu nếu có)	Qua kiểm tra, thống kê số lượng vấn đề phát hiện qua kiểm tra cần phải xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý, giải quyết và tính tỷ lệ %.
4	Công tác tuyên truyền CCHC	1,5			

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành từ 85% - 100%: Tính điểm theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100%. - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0 đ 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo/ hình ảnh, tờ rơi..... - Danh mục các nhiệm vụ, sản phẩm (gồm các nhiệm vụ, sản phẩm được giao và các nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành). 	Trên cơ sở kết quả, sản phẩm trong kế hoạch, đơn vị xem xét kết quả, sản phẩm đã hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành trong năm, tính tỷ lệ % (số kết quả, sản phẩm hoàn thành, dự kiến hoàn thành so với tổng số các nhiệm vụ, công việc trong Kế hoạch) để tính tỷ lệ %
4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	1	01 hình thức tuyên truyền = 20% điểm tối đa	Báo cáo, hình ảnh, tài liệu khác.. về kết quả việc hướng dẫn UBND cấp huyện các nội dung tuyên truyền liên quan đến ngành, lĩnh vực mình quản lý.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tuyên truyền đầy đủ nội dung theo Kế hoạch thông qua các kênh truyền thông: có tổ chức mở lớp bồi dưỡng về công tác CCHC và có các hình thức tuyên truyền Trên công (trang) thông tin điện tử của đơn vị, báo, đài phát thanh. - Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác như: facebook, zalo, qua tin nhắn điện thoại, tổ chức cuộc thi, tọa đàm, sân khấu hóa....
5	Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC	1,5	<ul style="list-style-type: none"> - Có từ 03 sáng kiến hoặc 01 sáng kiến được nhân rộng cấp Thành phố: điểm tối đa - Có từ 02 sáng kiến hoặc giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của Sở trong năm: 01 đ - Có 01 sáng kiến hoặc giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của Sở trong năm: 0,5 đ - Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới: 0 đ 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo sáng kiến, giải pháp mới - Tên văn bản minh chứng cho sáng kiến, hình ảnh, Video... 	Sáng kiến là những giải pháp, biện pháp, mô hình, cách làm mới được cấp có thẩm quyền công nhận hoặc cấp huyện cho phép thí điểm; trường hợp sáng kiến, giải pháp chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng mang lại hiệu quả rõ rệt và không trái với các quy định pháp luật hiện hành thì vẫn được

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
					<p>xem xét, ghi nhận; lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trong phạm vi quận, huyện; đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của quận, huyện hoặc Thành phố, được đơn vị tổng hợp, đánh giá trong báo cáo.</p> <p>- Đăng ký sáng kiến và đã triển khai, có kết quả (định lượng bằng số liệu cụ thể)</p>
6	Đối thoại của lãnh đạo với người dân, doanh nghiệp, công tác tiếp công dân	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng, đủ các nội dung theo quy định: điểm tối đa - Thực hiện đúng, đủ theo quy định một trong hai nội dung: 50% điểm tối đa - Không thực hiện: 0 đ 	<p>1. Đối thoại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản, báo cáo, văn bản hướng dẫn, tài liệu tập huấn, tài liệu tuyên truyền... - Văn bản chỉ đạo khắc phục các tồn tại qua đối thoại/hướng dẫn. - Báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại qua đối thoại/hướng dẫn (Nếu có). <p>2. Công tác tiếp công dân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản, báo cáo, hình ảnh số tiếp công dân, ảnh địa điểm tiếp công dân v.v... 	<p>1. Đối thoại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở và các đơn vị trực thuộc Sở có tổ chức đối thoại với người dân, tổ chức, doanh nghiệp về giải đáp những vướng mắc, phản ánh, kiến nghị liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính tối thiểu 6 tháng/lần. - Hướng dẫn/ định hướng UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc tổ chức đối thoại đối với người dân đối với các các vấn đề liên quan theo ngành/ lĩnh vực mình phụ trách. <p>2. Công tác tiếp công dân</p>

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
					Thực hiện đầy đủ các quy định về công tác tiếp công dân.
7	Thực hiện các nhiệm vụ Thành phố giao (Kế hoạch, Kết luận hoặc văn bản khác)	2	Tính điểm theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100%.		Thống kê số nhiệm vụ được giao và số nhiệm vụ đã hoàn thành để tính tỷ lệ %.
8	Hiệu quả triển khai các nhiệm vụ CCHC theo lĩnh vực được phân công nhằm cải thiện các chỉ số PAR-Index, PAPI, SIPAS...của Thành phố	1	Hội đồng thẩm định căn cứ vào giải trình và tài liệu kiểm chứng của các cơ quan, đơn vị để xem xét, cho điểm đánh giá	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch triển khai Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 27/4/2023 về khắc phục tồn tại, hạn chế về kỷ cương hành chính, cải cách thủ tục hành chính và công tác thanh tra, kiểm tra công vụ năm 2023 và những năm tiếp theo. - Kế hoạch, văn bản triển khai nâng cao chỉ số CCHC, PAPI, SIPAS của Thành phố. - Báo cáo, thống kê các nhiệm vụ đã triển khai nhằm nâng cao kết quả chỉ số PAR-Index, PAPI, SIPAS của Thành phố (triển khai các Kế hoạch của UBND Thành phố) 	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ kết quả chỉ số PAR-Index, SIPAS, PAPI của thành phố Hà Nội liên quan đến trách nhiệm tham mưu của cơ quan, đơn vị và Kế hoạch chỉ tiêu phần đầu cụ thể theo các TC, TCTP. - Căn cứ Kế hoạch và kết quả thực hiện các Kế hoạch cải thiện các chỉ số mà TP giao cho các cơ quan, đơn vị. - Kết quả chỉ số SIPAS của đơn vị.
9	Thực hiện các nhiệm vụ, quy định về thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân,	1	1. Việc thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra theo Kế hoạch: 0,5 điểm - Báo cáo, kết luận: 0,25 đ - Kết quả thực hiện: 0,25 đ	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng quy định pháp luật (không có vụ việc quá hạn) - Để xảy ra vụ việc chậm muộn; 	Căn cứ theo Báo cáo của cơ quan, đơn vị và thông tin theo dõi của Thành phố để chấm điểm.

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
	giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh kiến nghị theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị		2. Văn bản chỉ đạo: 0,5 đ - Thực hiện đầy đủ các văn bản chỉ đạo: 0,5 đ - Đôn đốc thực hiện kết luận thanh tra: 0,25 đ	- Sai phạm bị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.	
II	CÁI CÁCH THỂ CHẾ	8,5			
1	Tham mưu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực Sở quản lý trình Thành phố ban hành	2			
1.1	Tham mưu xây dựng VBQPPL trong năm theo Luật, Nghị quyết của Quốc Hội, Nghị định, Thông tư và theo yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước của Thành phố	0,5	- Hoàn thành đúng tiến độ 100% nhiệm vụ được giao tại Danh mục VBQPPL, các Kế hoạch, các văn bản QPPL, chỉ đạo của Trung Ương và văn bản khác của thành phố: điểm tối đa - Hoàn thành 100% nhiệm vụ nhưng có văn bản hoàn thành muộn so với tiến độ được giao: 50% điểm tối đa - Hoàn thành từ 80% - dưới 100% nhiệm vụ hoặc không kịp thời đề xuất ban hành VBQPPL quy định chi tiết thực hiện Luật, Nghị quyết của Quốc Hội, Nghị định, Thông tư: 25% điểm tối đa - Hoàn thành dưới 80% nhiệm vụ: 0 điểm	Số lượng văn bản đã được ban hành (so sánh với tiến độ, thời gian theo quy định của đơn vị yêu cầu)	Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chi số của tiêu chí này. Thống kê các nhiệm vụ đã hoàn thành về xây dựng VBQPPL được Thành phố giao trong năm, nhiệm vụ phát sinh trong năm, việc tham mưu Thành phố kịp thời đề xuất danh mục VBQPPL quy định chi tiết văn bản của Trung Ương (Luật, Nghị quyết của Quốc Hội, Nghị định, Thông tư) và đảm bảo hoàn

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
					thành đúng tiến độ 100% theo yêu cầu và thực tiễn quản lý nhà nước của Thành phố thì đạt điểm tối đa; Hoàn thành 100% nội dung thuộc phạm vi nhưng có nội dung chậm tiến độ thì không tính đạt điểm tối đa và tính tỷ lệ %.
1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL theo quy định của Luật ban hành VBQPPL	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Tất cả (100%) VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: điểm tối đa - Có VBQPPL ban hành chưa đúng quy trình: 0 điểm 	Báo cáo	Đối chiếu việc thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL với các quy định của Luật ban hành VBQPPL và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, thành phố Hà Nội
1.3	Chất lượng Tham mưu ban hành VBQPPL	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Tất cả (100%) VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng nội dung, bám sát yêu cầu của Đảng, Nhà nước, cấp ủy chính quyền Thành phố: điểm tối đa - Có VBQPPL ban hành chưa đúng nội dung, bám sát yêu cầu của Đảng, Nhà nước, cấp ủy chính quyền Thành phố: 0 điểm 	Báo cáo	Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chỉ số của tiêu chí này. Đối chiếu chất lượng thực hiện theo nội dung chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, cấp ủy chính quyền Thành phố.
1.4	Thực hiện đánh giá tác động của TTHC trong dự án, dự thảo VBQPPL	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Tất cả (100%) dự án, dự thảo VBQPPL trong năm có TTHC được đánh giá tác động: điểm tối đa - Có dự án, dự thảo VBQPPL trong năm có TTHC chưa được đánh giá tác động: 0 điểm 	Số lượng văn bản QPPL có TTHC đã được đánh giá tác động TTHC	Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chỉ số của tiêu chí này.
2	Theo dõi thi hành pháp luật	1,25			

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
2.1	Xây dựng Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật	0,25	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành kế hoạch đảm bảo đầy đủ nội dung (việc theo dõi, thực hiện ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật; tuân thủ pháp luật), tiến độ theo quy định: 0,25 điểm - Không ban hành kế hoạch hoặc ban hành muộn: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch đã ban hành - Danh mục các nhiệm vụ, sản phẩm (các nhiệm vụ được giao trong năm và các nhiệm vụ đã hoàn thành). 	<p>Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chỉ số của tiêu chí này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành kế hoạch đảm bảo đầy đủ nội dung, tiến độ theo quy định: 0,25 điểm - Không ban hành kế hoạch hoặc ban hành muộn: 0 điểm
2.2	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành 100% kế hoạch và đảm bảo thực hiện đầy đủ các nội dung (việc theo dõi, thực hiện ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật; tuân thủ pháp luật): điểm tối đa - Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: (Tỷ lệ % hoàn thành x 50% điểm tối đa)/ 100% - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0 điểm * Trường hợp để xảy ra các sai phạm nổi cộm gây bức xúc trong dư luận: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện của đơn vị; - KH đã ban hành của đơn vị, KH của Thành phố thể hiện nhiệm vụ - Biểu danh mục các nhiệm vụ, sản phẩm (các nhiệm vụ được giao trong năm và các nhiệm vụ đã hoàn thành). 	<p>Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chỉ số của tiêu chí này.</p> <p>Trên cơ sở kết quả, sản phẩm trong kế hoạch của đơn vị và những nhiệm vụ được Thành phố giao cho đơn vị trong Kế hoạch năm của Thành phố, đơn vị xem xét kết quả, sản phẩm đã được hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành trong năm, tính tỷ lệ % (số kết quả, sản phẩm hoàn thành, dự kiến hoàn thành trong năm so với tổng số các nhiệm vụ, công việc trong Kế hoạch) để tính tỷ lệ %.</p>
2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Đã xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật (bao gồm việc thực hiện phù hợp các nội dung tham mưu, đề nghị: ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chỉ đạo xử lý. - Báo cáo kết quả công tác theo dõi thi hành pháp luật và Báo cáo 	<p>Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chỉ số của tiêu chí này.</p>

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
			<p>pháp luật; thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tập huấn, phổ biến pháp luật; bảo đảm về tổ chức, biên chế, kinh phí và các điều kiện khác cho thi hành pháp luật; kịp thời tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực; thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật; sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật...) khi có kiến nghị, đề xuất: 0,5 điểm</p> <p>- Không xử ký kết quả theo dõi thi hành pháp luật khi có kiến nghị, đề xuất: 0 điểm</p>	<p>kiểm tra khảo sát TDTHPL. - Văn bản thể hiện việc đã xử lý</p>	<p>Trong trường hợp qua theo dõi thi hành pháp luật, xác định không có tồn tại, vi phạm, không có kiến nghị, đề xuất thì phải cung cấp các văn bản kết luận, báo cáo, tài liệu thể hiện rõ không có tồn tại vi phạm cần xử lý: chấm điểm tối đa</p>
3	Rà soát VBQPPL	2,5			
3.1	Ban hành kế hoạch và thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL của UBND Thành phố đối với ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Sở (Bao gồm nghiên cứu, đề xuất chính sách xây dựng Luật Thủ đô sửa đổi - năm 2023, 2024)	1	<p>- Ban hành kế hoạch và thực hiện thường xuyên và kịp thời ngay sau khi có sự thay đổi về cơ sở pháp lý của VBQPPL đối với lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị, báo cáo đề xuất kịp thời việc cung cấp số liệu hoàn chỉnh nội dung đề nghị xây dựng chính sách dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi): điểm tối đa</p> <p>- Không ban hành kế hoạch và không thực hiện hoặc thực hiện không kịp thời việc rà soát, hệ thống hóa nhất là ngay sau khi có sự thay đổi về cơ sở pháp lý của VBQPPL đối với lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị, báo cáo đề xuất không kịp thời việc cung cấp số liệu hoàn chỉnh nội dung</p>	<p>Kế hoạch và Báo cáo kết quả rà soát và các văn bản chỉ đạo việc thực hiện theo VB mới ban hành; văn bản góp ý, đề xuất về dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi)</p>	<p>Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chi số của tiêu chí này.</p> <p>- Ban hành kế hoạch và thực hiện thường xuyên và kịp thời ngay sau khi có sự thay đổi về cơ sở pháp lý của VBQPPL đối với lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị, báo cáo đề xuất kịp thời việc cung cấp số liệu hoàn chỉnh nội dung đề nghị xây dựng chính sách dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi): điểm tối đa</p> <p>- Không ban hành kế hoạch và</p>

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
			đề nghị xây dựng chính sách dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi): 0 điểm		không thực hiện hoặc thực hiện không kịp thời việc rà soát, hệ thống hóa nhất là ngay sau khi có sự thay đổi về cơ sở pháp lý của VBQPPL đối với lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của đơn vị, báo cáo đề xuất không kịp thời việc cung cấp số liệu hoàn chỉnh nội dung đề nghị xây dựng chính sách dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi): 0 điểm
3.2	<p>Kết quả thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa VBQPPL của UBND Thành phố đối với ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Sở (nội dung, thể thức, thời hạn, định kỳ)</p> <p>(Bao gồm Đánh giá việc phối hợp, tham mưu Thành phố trong việc nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách đặc thù, xây dựng Luật Thủ</p>	1	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng các nhiệm vụ trong kế hoạch, hoàn thành trách nhiệm rà soát báo cáo đề xuất hoàn chỉnh nội dung chính sách dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) theo yêu cầu của Thành phố: điểm tối đa - Hoàn thành không đúng tiến độ, chất lượng các nhiệm vụ trong kế hoạch đạt từ 80% đến dưới 100% , hoàn thành trách nhiệm rà soát báo cáo đề xuất hoàn chỉnh nội dung chính sách dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) theo yêu cầu của Thành phố: 0,5 điểm - Chưa hoàn thành các nhiệm vụ trong kế hoạch, trách nhiệm rà soát báo cáo đề xuất hoàn chỉnh nội dung chính sách dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) theo yêu cầu của Thành phố: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả rà soát - Văn bản triển khai và văn bản thể hiện kết quả hoàn thành sau rà soát, hệ thống hóa - Văn bản góp ý, thực hiện quy trình góp ý, đề xuất xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi) 	<p>Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chỉ số của tiêu chí này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng các nhiệm vụ trong kế hoạch, hoàn thành trách nhiệm rà soát báo cáo đề xuất hoàn chỉnh nội dung chính sách dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) theo yêu cầu của Thành phố: điểm tối đa - Hoàn thành không đúng tiến độ, chất lượng các nhiệm vụ trong kế hoạch đạt từ 80% đến dưới 100% , hoàn thành trách nhiệm rà soát báo cáo đề xuất hoàn chỉnh nội dung chính sách dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) theo yêu cầu của Thành

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
	đô - năm 2023, 2024)				<p>phổ: 0,5 điểm</p> <p>- Chưa hoàn thành các nhiệm vụ trong kế hoạch, trách nhiệm rà soát báo cáo đề xuất hoàn chỉnh nội dung chính sách dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) theo yêu cầu của Thành phố: 0 điểm</p>
3.3	Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế VBQPPL sau rà soát	0,5	<p>- Tất cả số văn bản đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế: điểm tối đa</p> <p>- 50% trong tổng số văn bản đã rà soát nhưng chưa hoàn thành: 50% điểm tối đa</p> <p>- Tất cả số văn bản chưa hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế: 0</p> <p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó:</p> <p>a là tổng số văn bản cần xử lý.</p> <p>b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý.</p> <p>Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa</p>	<p>- Văn bản tham mưu, đề xuất việc xử lý;</p> <p>- Văn bản chỉ đạo xử lý;</p> <p>- Báo cáo kết quả xử lý.</p>	<p>Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chi số của tiêu chí này.</p> <p>- Tất cả số văn bản đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế: điểm tối đa</p> <p>- 50% trong tổng số văn bản đã rà soát nhưng chưa hoàn thành: 50% điểm tối đa</p> <p>- Tất cả số văn bản chưa hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế: 0</p> <p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó:</p> <p>a là tổng số văn bản cần xử lý.</p> <p>b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý.</p> <p>Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa</p>
4	Kiểm tra, xử lý VBQPPL	1,5			

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
4.1	Thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động phối hợp, thực hiện công tác kiểm tra, tự kiểm tra VB QPPL theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công: điểm tối đa - Không chủ động phối hợp, thực hiện công tác kiểm tra, tự kiểm tra VB QPPL theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản báo cáo kết quả kiểm tra, văn bản phối hợp về thực hiện kiểm tra 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động phối hợp, thực hiện công tác kiểm tra, tự kiểm tra VB QPPL theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công: điểm tối đa - Không chủ động phối hợp, thực hiện công tác kiểm tra, tự kiểm tra VB QPPL theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công: 0 điểm
4.2	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Tất cả số văn bản đã hoàn thành việc xử lý: điểm tối đa - Tất cả số văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành: 50% điểm tối đa - Tất cả số văn bản chưa xử lý: 0 <p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> a là tổng số văn bản cần xử lý. b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý. <p>Trường hợp $a = 0$ thì đạt điểm tối đa</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản kết luận, chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền về xử lý văn bản trái pháp luật - Báo cáo kết quả khắc phục, xử lý - Văn bản thể hiện kết quả đã xử lý, hoàn chỉnh 	<p>Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chỉ số của tiêu chí này.</p> <p>Thống kê số vấn đề xử lý do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị (gồm cả các vấn đề theo ngành, lĩnh vực quản lý), căn cứ theo tỷ lệ % số vấn đề được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị xử lý, giải quyết trên tổng số văn bản do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị để tính điểm. Việc xử lý, giải quyết phải đảm bảo theo quy trình và trong phạm vi thẩm quyền quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 hoặc đơn vị có kiến nghị xử lý, giải quyết đối với những vấn đề không</p>

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
					thuộc phạm vi thẩm quyền xử lý của đơn vị mình.
4.3	Ban hành Văn bản hành chính chứa đựng quy phạm pháp luật (sai thẩm quyền, thể thức)	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hiện, kiến nghị bằng văn bản với cấp có thẩm quyền việc cơ quan đơn vị khác có ban hành văn bản hành chính có chứa đựng QPPL: điểm tối đa. - Trường hợp ban hành văn bản hành chính có chứa đựng QPPL mà kịp thời khắc phục: 0,25 điểm - Trường hợp ban hành văn bản hành chính có chứa đựng QPPL mà không kịp thời khắc phục: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết luận, xác định của cấp có thẩm quyền về văn bản hành chính có chứa quy phạm pháp luật - VB kiến nghị, thông tin về văn bản hành chính có chứa quy phạm pháp luật - Văn bản chỉ đạo triển khai xử lý - Báo cáo kết quả khắc phục, xử lý kèm theo văn bản xử lý 	<p>Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chỉ số của tiêu chí này.</p> <p>Thông kê số vấn đề xử lý do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị (gồm cả các vấn đề theo ngành, lĩnh vực quản lý), căn cứ theo tỷ lệ % số vấn đề được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị xử lý, giải quyết trên tổng số văn bản do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị để tính điểm. Việc xử lý, giải quyết phải đảm bảo theo quy trình và trong phạm vi thẩm quyền quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 hoặc đơn vị có kiến nghị xử lý, giải quyết đối với những vấn đề không thuộc phạm vi thẩm quyền xử lý của đơn vị mình.</p>
5	Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở	0,75			

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
5.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành 100% kế hoạch, đúng tiến độ được giao: điểm tối đa - Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0 điểm 	Kế hoạch thanh tra hằng năm Hồ sơ tổ chức cuộc thanh tra Các kết luận thanh tra	Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chỉ số của tiêu chí này. <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành 100% kế hoạch, đúng tiến độ được giao: điểm tối đa - Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0 điểm
5.2	Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra	0,25	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành 100% các kết luận thanh tra: điểm tối đa - Hoàn thành dưới 80% các kết luận thanh tra: 0 điểm 	Văn bản đôn đốc, kiểm tra Văn bản thể hiện đã thực hiện và hoàn thành nội dung theo kết luận thanh tra Báo cáo thực hiện kết luận	Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chỉ số của tiêu chí này. <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành 100% các kết luận thanh tra: điểm tối đa - Hoàn thành dưới 80% các kết luận thanh tra: 0 điểm
6	Tham mưu, thực hiện giải quyết kiến nghị của cá nhân, tổ chức để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến thể chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Có hồ sơ, tài liệu, văn bản thể hiện việc tổng hợp nắm bắt kiến nghị của cá nhân, tổ chức và kết quả đã tham mưu giải quyết 100% kiến nghị của cá nhân, tổ chức để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến thể chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở: 0,5 điểm; - Không thực hiện : 0 điểm 	Văn bản tham mưu, thực hiện giải quyết kiến nghị	Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chỉ số của tiêu chí này. <ul style="list-style-type: none"> - Có hồ sơ, tài liệu, văn bản thể hiện việc tổng hợp nắm bắt kiến nghị của cá nhân, tổ chức và kết quả đã tham mưu giải quyết 100% kiến nghị của cá nhân, tổ chức để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến thể chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở:

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
					0,5 điểm; - Không thực hiện : 0 điểm
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG	9			
1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	1,5			
1.1	Mức độ hoàn thành Kế hoạch kiểm soát TTHC	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành từ 85% - 100%: Tính điểm theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100%. - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo - Danh mục các nhiệm vụ, sản phẩm (gồm các nhiệm vụ, sản phẩm được giao và các nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành). 	Trên cơ sở kết quả, sản phẩm trong kế hoạch, đơn vị xem xét kết quả, sản phẩm đã được hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành trong năm, tính tỷ lệ % (số kết quả, sản phẩm hoàn thành, dự kiến hoàn thành so với tổng số các nhiệm vụ, công việc trong Kế hoạch) và đối chiếu với thang điểm để chấm điểm.
1.2	Xử lý các vấn đề qua rà soát TTHC, quy định TTHC	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Tất cả số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý: điểm tối đa - Hoàn thành từ 85% đến dưới 100%: 85% điểm tối đa; - Hoàn thành dưới 85%: 50% điểm tối đa - Tất cả số vấn đề chưa xử lý: 0 đạt điểm 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo kết quả rà soát; Dự thảo QĐ công bố hoặc QĐ công bố của đơn vị; các văn bản liên quan (văn bản chỉ đạo/ công văn kiến nghị). - Văn bản chỉ đạo triển khai sau khi phát hiện các vấn đề qua rà soát. 	Qua rà soát, đơn vị tham mưu, trình UBND Thành phố ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo thẩm quyền hoặc có đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ TTHC và các quy

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
				- Báo cáo kết quả khắc phục sau rà soát (đối với các đơn vị được kiểm tra KSTTHC mà có kiến nghị khắc phục sửa chữa về rà soát).	định có liên quan theo đúng thời gian quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC và Quyết định số 1503/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 của UBND thành phố Hà Nội.
1.3	Kiểm tra, kiểm soát TTHC	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Có xây dựng Kế hoạch và thực hiện việc kiểm tra: điểm tối đa; - Không xây dựng Kế hoạch, có kiểm tra: 50% điểm tối đa; - Không kiểm tra: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch kiểm tra có thể lồng ghép vào Kế hoạch cải cách hành chính; - Biên bản kiểm tra; Kết luận kiểm tra. 	
2	Rà soát, đơn giản hóa TTHC	1	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa hoặc Dự thảo Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa trình Chủ tịch UBND Thành phố; Kết quả rà soát đảm bảo theo tỷ lệ yêu cầu: điểm tối đa; - Tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá TTHC gửi Văn phòng UBND Thành phố chậm tiến độ theo Kế hoạch, không hoàn thành Kế hoạch: 0 - Đối với những đơn vị không nằm trong Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa hàng năm: điểm tối đa 	Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá TTHC và dự thảo Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách hành chính TTHC gửi Văn phòng UBND Thành phố xem xét, đánh giá chất lượng; Quyết định phê duyệt đơn giản hóa TTHC	Có TTHC được tinh gọn, đơn giản hóa
3	Công bố, công khai TTHC và các quy định có liên quan	1,5			

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
3.1	Tham mưu UBND Thành phố công bố TTHC theo quy định	0,5	- Trình Chủ tịch UBND Thành phố công bố TTHC hoặc danh mục TTHC kịp thời, đúng quy định: điểm tối đa - Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định việc trình công bố/đề nghị sửa đổi: 0	Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố đã được ban hành	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
3.2	Trình xây dựng và ban hành Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC	0,5	- Trình phê duyệt đúng quy định 100% số TTHC thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý nhà nước giải quyết của Sở: điểm tối đa; - Trình phê duyệt đúng quy định từ 80% đến dưới 100% số TTHC thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý nhà nước giải quyết của Sở: 50% điểm tối đa; - Trình phê duyệt dưới 80% số TTHC thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý nhà nước giải quyết của Sở: 0	Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ TTHC của Chủ tịch UBND Thành phố đã được ban hành	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
3.3	Công khai TTHC	0,5	- 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở tích hợp, công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng Thông tin điện tử của Sở: 25% điểm tối đa - 100% TTHC được niêm yết công khai đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: 25% điểm tối đa - Tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC được công khai đầy đủ, kịp thời trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thành phố: 50% điểm tối đa	- Báo cáo - Ảnh chụp niêm yết	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
4	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1			
4.1	Tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa	0,5	- Ban hành đầy đủ các văn bản về tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo quy định của Thành phố: 25% điểm tối đa - Bố trí người làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả	- Báo cáo, Quyết định, văn bản Quyết định thành lập hoặc kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; Nội quy, quy chế hoạt động	- Căn cứ quy định tại Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND Thành phố để bố trí công chức làm việc tại Bộ

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
			<p>kết quả: 25% điểm tối đa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện chế độ bồi dưỡng, cấp trang phục đối với người làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định của Thành phố: 25% điểm tối đa - Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: 25% điểm tối đa 	của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; Văn bản bố trí công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;	<p>phận tiếp nhận và trả kết quả.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và chỉ đạo của UBND Thành phố về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước thuộc Thành phố và các văn bản hướng dẫn thi hành
4.2	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - 100% số TTHC có quy định việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở: điểm tối đa - Dưới 100% số TTHC có quy định việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở: 0 - Các trường hợp quy định khác thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành 	Báo cáo, danh sách TTHC	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
5	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	2			
5.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định	1	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 95% - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: điểm tối đa - Từ 90 đến dưới 95% hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính: 50% điểm tối đa - Dưới 90% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0 	- Báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính hàng quý, năm;	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
5.2	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ	1	<ul style="list-style-type: none"> - Đầy đủ, đúng quy định: điểm tối đa - Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo giải trình; - Thư xin lỗi. 	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
	chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC				
6	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	2			
6.1	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, đúng hạn	1	- Tất cả kiến nghị đã được xử lý hoặc trả lời, chuyển xử lý đúng quy định, đúng hạn: điểm tối đa; - Có phản ánh, kiến nghị không được trả lời đúng quy định hoặc trả lời trễ hạn: (Tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)	- Văn bản xử lý hoặc văn bản trả lời. - Văn bản chỉ đạo triển khai sau khi nhận phản ánh, kiến nghị - Báo cáo kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị.	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
6.2	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền	1	- 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: điểm tối đa - Dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0	Báo cáo. Nội dung công khai.	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY	8			
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của Sở	2			

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
1.1	Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Sở	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng thời gian quy định và có đầy đủ các nội dung: điểm tối đa - Thực hiện đầy đủ các nội dung nhưng chậm thời gian quy định/Thực hiện đúng thời gian quy định nhưng chưa đầy đủ các nội dung: 0,25 - Không thực hiện đúng quy định: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định của Thủ trưởng đơn vị Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc đơn vị. - Quyết định của Thủ trưởng đơn vị về việc ban hành Quy chế làm việc của đơn vị. - Các văn bản giao bổ sung nhiệm vụ của Thành phố và văn bản triển khai của đơn vị theo chỉ đạo của Thành phố. 	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các đơn vị thuộc, trực thuộc theo các tiêu chí	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - 100% số các cơ quan, đơn vị thuộc Sở có cơ cấu số lượng lãnh đạo đáp ứng các tiêu chí theo quy định: điểm tối đa - Có cơ quan, đơn vị thuộc Sở có cơ cấu số lượng lãnh đạo không đáp ứng các tiêu chí theo quy định: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Danh mục thống kê số biên chế được giao. - Danh sách số lượng cấp phó của người đứng đầu của từng phòng chuyên môn và tương đương thuộc Sở. 	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
1.3	Kết quả thực hiện giảm số lượng đầu mối tổ chức bên trong của cơ quan hành chính và đơn vị SNCL theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Thành phố	1	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng chỉ đạo: điểm tối đa - Thực hiện đúng chỉ đạo nhưng chậm thời gian quy định: 0,5 - Không đạt yêu cầu theo chỉ đạo: 0 	Quyết định của Thủ trưởng đơn vị Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc đơn vị.	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế	1			

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
	được cấp có thẩm quyền giao				
2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: điểm tối đa - Còn tồn tại (Biên chế còn nhưng không tuyển dụng, nộp báo cáo về biên chế chậm): 0,25 - Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao, Sử dụng Lao động hợp đồng không đúng theo quy định; Chế độ báo cáo không kịp thời: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định của Thủ trưởng đơn vị về việc phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính năm 2023 - Danh sách trả lương - Báo cáo kế hoạch biên chế hằng năm - Kế hoạch tuyển dụng đã gửi Sở Nội vụ tổng hợp 	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị SNCL thuộc Sở	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: điểm tối đa - Còn tồn tại (Biên chế còn nhưng không tuyển dụng, nộp báo cáo về biên chế chậm): 0,25 - Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao, Sử dụng Lao động hợp đồng không đúng theo quy định; Chế độ báo cáo không kịp thời: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định của Thủ trưởng đơn vị về việc phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính năm 2023 - Danh sách trả lương - Báo cáo kế hoạch biên chế hằng năm - Kế hoạch tuyển dụng đã gửi Sở Nội vụ tổng hợp 	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
3	Thực hiện phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước	2,5			
3.1	Thực hiện chỉ đạo của Thành phố về đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực của Sở	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ các quy định và báo cáo đúng thời gian quy định: điểm tối đa - Thực hiện đầy đủ các quy định nhưng gửi báo cáo chậm so với thời gian quy định: 50% điểm tối đa - Không thực hiện đầy đủ các quy định hoặc không gửi báo cáo: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo, văn bản giải trình. - Các văn bản (hướng dẫn) của Sở xuống cấp huyện, các đơn vị trực thuộc Sở. 	Thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND thành phố

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
					Hà Nội về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội, Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc Thông qua Đề án phân cấp quản lý nhà nước, ủy quyền trên địa bàn thành phố Hà Nội, Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về ban hành quy định phân cấp một số thẩm quyền quản lý nhà nước của UBND thành phố Hà Nội về hạ tầng kỹ thuật, du lịch (Không bao gồm các nhiệm vụ trong Quyết định số 4610/QĐ-UBND của UBND Thành phố)
3.2	Hoàn thiện các quy định về điều kiện bảo đảm thực hiện phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực của Sở	1	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ các quy định và báo cáo đúng thời gian quy định: điểm tối đa - Thực hiện đầy đủ các quy định nhưng gửi báo cáo chậm so với thời gian quy định: 50% điểm tối đa - Không thực hiện đầy đủ các quy định hoặc không gửi báo cáo: 0 	- Báo cáo, văn bản giải trình (văn bản phân cấp quản lý)...	- Thực hiện theo Nghị quyết 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý Nhà nước; các Nghị quyết: số 23/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 về thông qua Đề án phân cấp quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 về quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
					phố và Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 quy định phân cấp một số thẩm quyền quản lý nhà nước của UBND thành phố Hà Nội về hạ tầng kỹ thuật, du lịch
3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp, ủy quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	1	<p>1. Xử lý các vấn đề phát hiện qua thanh tra về phân cấp trong quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực của Sở: 0,5</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả vấn đề đã được xử lý/kiến nghị xử lý: điểm tối đa - Tất cả vấn đề đang được xử lý/kiến nghị xử lý: 50% điểm tối đa - Tất cả vấn đề chưa được xử lý/kiến nghị xử lý: 0 <p>2. Xử lý các vấn đề phát hiện qua thanh tra về ủy quyền giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của UBND Thành phố: 0,5</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả vấn đề đã được xử lý/kiến nghị xử lý: điểm tối đa - Tất cả vấn đề đang được xử lý/kiến nghị xử lý: 50% điểm tối đa - Tất cả vấn đề chưa được xử lý/kiến nghị xử lý: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Các biên bản, báo cáo, văn bản giải trình - Văn bản chỉ đạo triển khai việc kiểm tra - Báo cáo kết quả khắc phục sau kiểm tra. 	Qua kiểm tra, thống kê số lượng vấn đề phát hiện qua kiểm tra cần phải xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý, giải quyết và tính tỷ lệ %.
4	Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ đối với cơ quan chuyên môn ở địa phương	1			
4.1	Tham mưu, phối hợp, hướng dẫn quy định về thực hiện chức năng, nhiệm vụ	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa - Không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản hướng dẫn - Báo cáo. 	Căn cứ theo TLKC, báo cáo của cơ quan, đơn vị và thông tin theo dõi của Thành phố để chấm điểm.

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
	vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện				
4.2	Công tác kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện quản lý về tổ chức bộ máy và biên chế của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	0,5	- Đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa - Không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0	- Kế hoạch kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra. - Các Biên bản, kết luận (nếu có).	Căn cứ theo TLKC, báo cáo của cơ quan, đơn vị và thông tin theo dõi của Thành phố để chấm điểm.
5	Thực hiện quy định về quy trình nội bộ giải quyết công việc ngoài TTHC của cơ quan, đơn vị	1,5	- Thực hiện đầy đủ: điểm tối đa - Thực hiện không đầy đủ: 50% điểm tối đa - Không phê duyệt hoặc không đầy đủ; chậm tiến độ của Kế hoạch: 0.	- Quyết định phê duyệt tên quy trình, Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và của Chủ tịch UBND Thành phố (nếu có) - Văn bản đơn giản hóa theo tiến độ tại Kế hoạch 97/KH-UBND, Kế hoạch 281/KH-UBND của Thành phố và các văn bản chỉ đạo liên quan.	- Thực hiện đủ 02 nhiệm vụ: + Phê duyệt danh mục tên, quy trình; đơn giản hóa quy trình nội bộ ngoài TTHC theo đúng tiến độ của kế hoạch số 97/KH-UBND và chỉ đạo của UBND Thành phố + Tham mưu, trình UBND Thành phố phê duyệt danh mục, nội dung quy trình thủ tục hành chính, thực hiện đơn giản hóa nội bộ thuộc thẩm quyền của UBND, Chủ tịch UBND Thành phố quy trình theo đúng tiến độ tại Kế hoạch số 281/KH-UBND Thành phố.
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	8,5			
1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên	2			

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
	chức theo vị trí việc làm				
1.1	Ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm theo quy định	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Đã ban hành kịp thời: điểm tối đa - Đã ban hành nhưng chưa đầy đủ các nội dung: 0,25 - Chưa ban hành: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản, thông báo phân công công tác công chức, viên chức. - Văn bản kiểm tra triển khai việc thực hiện. 	<p>Bản phân công công tác phải có đủ số liệu theo các tiêu chí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh mục vị trí việc làm. - Số lượng người làm việc của từng vị trí việc làm. - Cơ cấu ngạch công chức/ chức danh nghề nghiệp viên chức - Ngạch/chức danh nghề nghiệp của từng vị trí việc làm. - Bản mô tả và Khung năng lực của từng vị trí việc làm
1.2	Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa - Đầy đủ, đúng quy định nhưng chưa kịp thời: 0,25 - Không đầy đủ hoặc chưa kịp thời: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản, thông báo phân công công tác công chức, viên chức. - Văn bản kiểm tra triển khai việc thực hiện. - Báo cáo kết quả khắc phục qua kiểm tra. 	<p>Bảng phân công công tác phải có đủ số liệu theo các tiêu chí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh mục vị trí việc làm. - Số lượng người làm việc của từng vị trí việc làm. - Ngạch/chức danh nghề nghiệp của từng vị trí việc làm. - Bản mô tả và Khung năng lực của từng vị trí việc làm
1.3	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của sở bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - 100% số cơ quan, tổ chức hành chính của Sở thực hiện đúng cơ cấu công chức được phê duyệt: điểm tối đa - Từ 60% - dưới 100% số cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Sở thực hiện đúng cơ cấu công chức được phê duyệt: Tính điểm theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/ 100%. 	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu tổng hợp số lượng công chức theo vị trí việc làm - Bảng phân công công tác công chức, viên chức - Văn bản kiểm tra triển khai việc thực hiện Đề án 	<p>Bảng phân công công tác phải có đủ số liệu theo các tiêu chí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh mục vị trí việc làm. - Số lượng người làm việc của từng vị trí việc làm. - Ngạch/chức danh nghề nghiệp của từng vị trí việc làm.

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
			- Dưới 60% số cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Sở thực hiện đúng cơ cấu công chức được phê duyệt: 0	- Báo cáo kết quả khắc phục qua kiểm tra (nếu có)	- Bảng mô tả và Khung năng lực của từng vị trí việc làm.
1.4	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc sở bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0,5	- 100% số đơn vị bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt: điểm tối đa - Từ 60% - dưới 100% số đơn vị: điểm tính theo công thức: tỷ lệ đạt được * điểm tối đa - Dưới 60% số đơn vị: 0	- Biểu tổng hợp số lượng viên chức theo vị trí việc làm	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
2	Tuyển dụng và sử dụng công chức, viên chức	1,5			
2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị thuộc Sở	1	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyển dụng công chức: tối đa 0,5 điểm + Thực hiện đúng quy định: điểm tối đa. + Thực hiện không đúng quy định: 0đ. - Công tác tuyển dụng viên chức: tối đa 0,5 điểm + Thực hiện đúng quy định: điểm tối đa. + Thực hiện không đúng quy định: 0đ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với công tác tuyển dụng công chức: Văn bản đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng công chức, văn bản giải trình lý do không đăng ký tuyển dụng công chức; - Đối với công tác tuyển dụng viên chức: Văn bản xin ý kiến thống nhất về chỉ tiêu và kế hoạch tuyển dụng viên chức, kế hoạch tuyển dụng viên chức được phê duyệt, công văn báo cáo kết quả tuyển dụng viên chức, văn bản giải trình lý do không thực hiện tuyển dụng viên chức. - Các báo cáo, văn bản giải trình khác (nếu có) 	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
2.2	Sử dụng công chức, viên chức theo quy định	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng quy định: điểm tối đa. - Không thực hiện đúng: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Bản phân công công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị. - Văn bản chỉ đạo triển khai kiểm tra việc sử dụng. - Danh sách trả lương. 	Bố trí, sử dụng công chức, viên chức thực hiện theo quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các Thông tư hướng dẫn của Bộ, ngành.
3	Thực hiện quy định về bổ nhiệm, thi tuyển các vị trí lãnh đạo, quản lý tại Sở	1	<ul style="list-style-type: none"> - 100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương hoặc đơn vị sự nghiệp trực thuộc và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: điểm tối đa. - Trường hợp được bổ nhiệm từ những năm trước nhưng có phát hiện sai phạm trong năm đánh giá thì điểm đánh giá : 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thống kê số lượng bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương hoặc đơn vị sự nghiệp trực thuộc và tương đương thuộc Sở trở xuống. - Bảng tổng hợp số lượng tại thời điểm gần nhất (báo cáo gồm các đồng chí giữ chức vụ). - Báo cáo rà soát công tác cán bộ theo chỉ đạo của Sở Nội vụ, Thành phố. - Văn bản chỉ đạo triển khai kiểm tra thực hiện bổ nhiệm. - Báo cáo kết quả khắc phục sau kiểm tra (nếu có). 	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
4	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Không có cán bộ, công chức, viên chức bị cơ quan cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền xử lý hoặc yêu cầu xử lý kỷ luật: điểm tối đa 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chỉ đạo triển khai kiểm tra. 	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
	chính của công chức, viên chức		- Có cán bộ, công chức, viên chức bị cơ quan cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền xử lý hoặc yêu cầu xử lý kỷ luật: 0	- Báo cáo kết quả khắc phục sau kiểm tra (nếu có).	
5	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành 100% Kế hoạch được điểm tối đa - Hoàn thành từ 50% - dưới 100%: Tính điểm theo công thức (Tỉ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100% - Hoàn thành dưới 50% kế hoạch: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch tổ chức các lớp ĐTBĐ được giao trong năm, Báo cáo kết quả ĐTBĐ 06 tháng, Báo cáo kết quả ĐTBĐ 12 tháng, Kế hoạch ĐTBĐ năm tiếp theo - Báo cáo công tác tổ chức lớp ĐTBĐ được giao chủ trì, quyết định tổ chức lớp, văn bản triệu tập học viên, quyết định cử CCVC tham gia ĐTBĐ..... 	<p>Kết quả ĐTBĐ để tính điểm gồm 02 tiêu chí:</p> <p>(1) Tỉ lệ hoàn thành đối với các lớp ĐTBĐ được giao chủ trì (căn cứ Kế hoạch ĐTBĐ được UBND Thành phố giao trong năm): Số lớp thực hiện, số học viên tham gia ĐTBĐ, kinh phí tổ chức lớp.....</p> <p>(2) Tỉ lệ thực hiện nhiệm vụ ĐTBĐ: Việc báo cáo kết quả ĐTBĐ đúng hạn, xây dựng Kế hoạch ĐTBĐ năm tiếp theo đúng quy định và đúng hạn, việc cử học viên tham gia đầy đủ các lớp ĐTBĐ do Thành phố tổ chức, số lượng học viên tham gia các lớp ĐTBĐ do Thành phố tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ.....</p>
6	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng tháng, hàng năm	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng quy định: điểm tối đa. - Thực hiện đúng quy định nhưng thời điểm báo cáo chậm: 0,25 - Không thực hiện đúng: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thống kê, tổng hợp tỷ lệ đánh giá cán bộ, công chức, viên chức các đơn vị và đơn vị trực thuộc - Kết quả đánh giá trên phần mềm 	Căn cứ theo TLKC, báo cáo của cơ quan, đơn vị và thông tin theo dõi của Thành phố để chấm điểm.

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
7	Chấp hành quy định về chuyển đổi vị trí công tác	1	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và ban hành Kế hoạch 0,25 điểm; trong đó: đảm bảo thời gian quy định 0,1 điểm; đảm bảo các nội dung yêu cầu 0,15 điểm, với mỗi nội dung không bảo đảm chất lượng, bị trừ 0,025 điểm. - Triển khai thực hiện Kế hoạch 0,25 điểm; trong đó: đảm bảo thực hiện 100% tổng số phải chuyển đổi theo kế hoạch 0,25 điểm; có thực hiện nhưng không đảm bảo thực hiện 100% tổng số phải chuyển đổi theo kế hoạch 0,15 điểm; không thực hiện 0 điểm. - Báo cáo việc thực hiện Kế hoạch 0,25 điểm; trong đó: đảm bảo thời gian quy định 0,1 điểm; đảm bảo nội dung yêu cầu 0,15 điểm. - Báo cáo sơ kết kết quả thực hiện Chuyên đề số 9 thuộc Chương trình số 10-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội 0,25 điểm; trong đó: đảm bảo thời gian quy định 0,1 điểm; đảm bảo các nội dung yêu cầu 0,15 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác - Quyết định điều động hoặc văn bản bố trí, phân công nhiệm vụ của người có chức vụ, quyền hạn theo quy định phân cấp quản lý cán bộ - Báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác - Báo cáo sơ kết kết quả thực hiện Chuyên đề số 9 thuộc Chương trình 10-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và ban hành Kế hoạch: Định kỳ (trong quý I hàng năm theo quy định tại Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của UBND Thành phố), người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải ban hành và công khai kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với người có chức vụ, quyền hạn theo thẩm quyền quản lý cán bộ; nội dung kế hoạch phải nêu rõ mục đích, yêu cầu, trường hợp cụ thể phải chuyển đổi vị trí công tác, thời gian thực hiện chuyển đổi, quyền, nghĩa vụ của người phải chuyển đổi vị trí công tác và biện pháp tổ chức thực hiện (theo quy định tại Điều 26 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018). Chủ động bám sát hướng dẫn của Bộ quản lý theo ngành, lĩnh vực về danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo ngành, lĩnh vực tại chính quyền địa phương để kịp thời xây dựng, điều chỉnh phù hợp. - Triển khai thực hiện Kế hoạch: 100% cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2019 của

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
					<p>Chính phủ phải được thực hiện nghiêm túc quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo việc thực hiện Kế hoạch: Định kỳ (quý, 06 tháng, năm) báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác về Sở Nội vụ. Thời gian gửi báo cáo quý chậm nhất vào ngày 05 tháng cuối quý, báo cáo 06 tháng gửi chậm nhất vào ngày 05 tháng 6 năm 2023, báo cáo năm gửi chậm nhất vào ngày 05 tháng 12 năm 2023. - Báo cáo sơ kết kết quả thực hiện Chuyên đề số 9 thuộc Chương trình 10-CTr/TU ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thành ủy Hà Nội theo biểu mẫu yêu cầu, gửi về Sở Nội vụ trước ngày 15 tháng 8 năm 2023. - Việc xác định thời gian thực hiện các nhiệm vụ về chấp hành quy định về chuyển đổi vị trí công tác của cơ quan, đơn vị thể hiện trên tài liệu kiểm chứng thực hiện theo Điều 7, Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2020 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan, tổ chức thuộc thành phố Hà Nội.

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
8	Triển khai và duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức	1	Tỷ lệ hồ sơ được cập nhật đầy đủ, kịp thời tính đến 01/10/2023: - 100% hồ sơ được cập nhật đầy đủ, kịp thời: 1 điểm; - Từ 80%- dưới 100% hồ sơ được cập nhật đầy đủ, kịp thời: 0,75 điểm; - Từ 70%- dưới 80% hồ sơ được cập nhật đầy đủ, kịp thời: 0,5 điểm - Từ 50%-dưới 70% hồ sơ được cập nhật đầy đủ, kịp thời: 0,25 điểm - Dưới 50% hồ sơ được cập nhật đầy đủ, kịp thời: 0 điểm	Báo cáo, giải trình	- Căn cứ vào Hệ thống Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố và báo cáo bổ sung, giải trình, làm rõ của đơn vị (nếu có). - Việc kiểm chứng được cơ quan thẩm định kiểm tra độc lập qua hệ thống trực tuyến. Trường hợp cần có thêm thông tin, cơ quan thẩm định gửi Sở Nội vụ đề nghị đơn vị báo cáo bổ sung, giải trình, làm rõ.
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	8			
1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	2			
1.1	Thực hiện công tác quản lý ngân sách và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công	0,5	Điểm tính theo công thức hoặc theo tỷ lệ giải ngân chung toàn thành phố.	- Các đơn vị được giao dự toán: Gửi Báo cáo, các văn bản khác. - Các đơn vị không được giao dự toán: không cần gửi tài liệu kiểm chứng	- Đối với các đơn vị được giao dự toán: Điểm đánh giá được tính theo công thức: [[Tỷ lệ % giải ngân KH vốn đầu tư công × Điểm tối đa]/(100%)] - Đối với các đơn vị không được giao dự toán: tính theo tỷ lệ giải ngân chung của toàn Thành phố
1.2	Thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên từ	0,5	- Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: Điểm tối đa - Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0	- Thông báo thẩm định Quyết toán NSNN hàng năm của Sở Tài chính; - Báo tình hình thực hiện chế độ	Đánh giá đối với việc thực hiện quy định về sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách Thành phố

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
	nguồn ngân sách nhà nước			<p>tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022 tại đơn vị hoặc các báo cáo có thể hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chí tính đến thời điểm đánh giá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán NN (nếu có). - Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài chính. - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có) 	
1.3	Thực hiện quy định về sử dụng kinh phí chi đầu tư	0,5	<p>1. Thực hiện quy định về sử dụng kinh phí chi đầu tư khác: 0,25</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: Điểm tối đa - Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0 <p>2. Thực hiện quy định về sử dụng kinh phí chi đầu tư công: 0,25</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: Điểm tối đa - Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thẩm định Quyết toán hàng năm; - Báo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí chi đầu tư tại đơn vị hoặc các báo cáo có thể hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chí tính đến thời điểm đánh giá. - Các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán NN (nếu có). - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có) 	Đánh giá đối với việc thực hiện quy định về sử dụng kinh phí chi đầu tư ngân sách Thành phố

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
1.4	Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	0,5	<p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$.</p> <p>Trong đó: a là tổng số tiền phải nộp NSNN b là số tiền đã nộp NSNN</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các kết luận của thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan có thẩm quyền tại đơn vị trong 02 năm gần nhất; - Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của đơn vị; - Hồ sơ, tài liệu, chứng từ thể hiện số tiền đã nộp NSNN theo kiến nghị. - Kết quả theo dõi, đánh giá của cơ quan Tài chính. - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có) 	<p>b: là số tiền đã nộp theo kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách về xử lý tài chính của đơn vị đã thực hiện trong 02 năm gần nhất/ a: Tổng số tiền phải nộp NSNN theo kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách về xử lý tài chính của đơn vị trong 02 năm gần nhất.</p>
2	Lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách	1			
2.1	Xây dựng và báo cáo dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện xây dựng báo cáo đúng quy định về nội dung và gửi đúng thời hạn: điểm tối đa - Thực hiện xây dựng báo cáo đúng quy định về nội dung và gửi sau thời hạn: 50% điểm tối đa - Thực hiện xây dựng báo cáo không đúng quy định về nội dung: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo xây dựng dự toán năm 2024 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026; - Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022. - Văn bản chỉ đạo triển khai kiểm tra 	<p>- Đơn vị xây dựng dự toán ngân sách năm 2024 theo đúng quy định Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 và kế hoạch tài chính-ngân sách Nhà nước 3 năm 2024-2026; Hướng dẫn số 4568/HD-STC ngày 07/8/2023</p>

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
				- Báo cáo kết quả khắc phục sau kiểm tra (nếu có).	của Sở Tài chính về xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 và kế hoạch tài chính-ngân sách Nhà nước 3 năm 2023-2025; - Đơn vị báo cáo quyết toán ngân sách thực hiện theo đúng nội dung quy định tại Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN; Thông tư 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm; Hướng dẫn của Sở Tài chính số 7916/STC-QLNS ngày 29/12/2022 của Sở Tài chính, hướng dẫn công tác khóa sổ cuối năm và lập quyết toán ngân sách nhà nước; thời hạn gửi báo cáo quyết toán ngân sách về Sở Tài chính chậm nhất trước ngày 31/3/2023.

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
2.2	Thực hiện công khai dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, quyết toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt và gửi báo cáo theo quy định	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện công khai đúng quy định về hình thức, nội dung, thời điểm và gửi báo cáo đúng thời hạn: điểm tối đa - Thực hiện công khai đúng quy định về hình thức, nội dung, thời điểm và gửi báo cáo sau thời hạn: 50% điểm tối đa - Thực hiện công khai không đúng quy định hoặc không công khai: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định công khai. - Báo cáo tình hình công khai. - Văn bản chỉ đạo triển khai kiểm tra. - Báo cáo kết quả khắc phục sau kiểm tra (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan, đơn vị thực hiện công khai tài chính đối với quyết toán ngân sách năm 2022 và dự toán ngân sách năm 2023 theo nội dung, hình thức, thời điểm công khai, gửi báo cáo cơ quan Tài chính theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách được nhà nước hỗ trợ. - Các đơn vị báo cáo tổng hợp tình hình công khai dự toán 2023, quyết toán 2021 về cơ quan Tài chính theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính: trước ngày 30/4 hàng năm (đối với công khai dự toán), trước ngày 28/02 năm sau (đối với công khai quyết toán).
3	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2			
3.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	1	<ul style="list-style-type: none"> - 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành (đúng hạn, phù hợp): 1 - 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành nhưng không đúng hạn hoặc không phù hợp): 0.5đ - Dưới 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là đối tượng phải ban hành Quy chế . - Bảng thống kê danh mục các Quy chế đã ban hành (nêu rõ tên 	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại khoản 3 Điều 7 Thông tư 144/2017/TT-BTC

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
				<p>văn bản, số ký hiệu, cơ quan ban hành và thời gian ban hành).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi đại diện 02 - 05 quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công. 	<p>ngày 29/12/2017.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thống kê các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là đối tượng phải ban hành Quy chế . - Thống kê các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đã ban hành Quy chế - Tính tỉ lệ % giữa số cơ quan, đơn vị đã ban hành trong tổng số cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi đánh giá. Nếu tỉ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> + 100% số cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá là 1. + Dưới 100% số cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá là 0.
3.2	Thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	1	<ul style="list-style-type: none"> - Về việc thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: <ul style="list-style-type: none"> + 100% cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định: 0,75 + Có cơ quan, đơn vị có sai phạm bị phát hiện qua thanh, kiểm tra nhưng đã khắc phục kịp thời: 0,25 + Còn có cơ quan, đơn vị chưa thực hiện đúng quy định về quản lý sử dụng tài sản công hoặc chưa khắc phục sai phạm bị phát hiện qua thanh, kiểm tra (tính đến thời điểm đánh giá): 0 - Việc rà soát chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu vào cơ sở quốc gia về tài sản công: <ul style="list-style-type: none"> + Đã rà soát, chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu vào cơ sở quốc gia về tài sản công: 0,25 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công. - Báo cáo kết xuất từ phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công. 	<ul style="list-style-type: none"> - Về việc thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: <ul style="list-style-type: none"> + 100% cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định: 0,75 + Có cơ quan, đơn vị có sai phạm bị phát hiện qua thanh, kiểm tra nhưng đã khắc phục kịp thời: 0,25 + Còn có cơ quan, đơn vị chưa thực hiện đúng quy định về quản lý sử dụng tài sản công hoặc chưa khắc phục sai phạm bị phát hiện qua thanh, kiểm tra (tính đến thời điểm đánh giá): 0 - Việc rà soát chuẩn hóa, cập nhật

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
			+ Chưa rà soát chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu vào cơ sở quốc gia về tài sản công:0		dữ liệu vào cơ sở quốc gia về tài sản công: + Đã rà soát, chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu vào cơ sở quốc gia về tài sản công: 0,25 + Chưa rà soát chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu vào cơ sở quốc gia về tài sản công:0
4	Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thuộc sở	3			
4.1	Số đơn vị SNCL tăng mức độ tự chủ kinh phí chi thường xuyên trong năm theo kế hoạch	1	Trong năm đánh giá: - Đảm bảo số lượng nâng mức tự chủ theo Kế hoạch: 1. - Không đảm bảo số lượng nâng mức tự chủ theo Kế hoạch: 0	- Báo tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022 tại đơn vị hoặc các báo cáo có thể hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chí tính đến thời điểm đánh giá. - Kế hoạch 189/KH-UBND ngày 06/7/2022 của UBND Thành phố và Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển ĐVSN công lập sang tự chủ tài chính của đơn vị. - Các Quyết định giao tự chủ tài	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
				chính của cấp có thẩm quyền. - Các tài liệu khác liên quan	
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL.	1	- Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: điểm tối đa - Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0	- Thông báo thẩm định Quyết toán hàng năm của Sở Tài chính; - Báo tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022 tại đơn vị hoặc các báo cáo có thể hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chí tính đến thời điểm đánh giá. - Các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán NN (nếu có). - Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài chính. - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
4.3	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị SNCL so với năm 2021	1	- Đạt tỷ lệ từ 10% trở lên: điểm tối đa - Đạt tỷ lệ từ 0 đến dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % giảm chi trực tiếp NSNN x điểm tối đa) / 10% - Trường hợp không giảm chi đánh giá là 0	- Quyết định giao dự toán của UBND Thành phố, quyết định giao dự toán, phân bổ của đơn vị. - Tài liệu kiểm chứng khác nếu có	- Tỷ lệ % giảm chi trực tiếp NSNN cho ĐVSNNCL (nhóm 3) trong năm 2023 so với năm 2021 theo công thức: $(a-b)/a*100\%$ Trong đó: + a là tổng số kinh phí NSNN hỗ trợ chi thường xuyên cho ĐVSNNCL

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
					năm 2021 + b là tổng số kinh phí NSNN hỗ trợ chi thường xuyên cho ĐVSNCL năm 2023
VII	XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	11			
1	Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu	3,5			
1.1	Xây dựng và triển khai Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng	1,5	<p>1. Ban hành Kế hoạch: điểm tối đa: 0,5</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành kịp thời: điểm tối đa - Ban hành, nhưng không kịp thời: 50% điểm tối đa - Không ban hành: 0 <p>2. Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch: điểm tối đa: 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành 100% các nhiệm vụ được giao: điểm tối đa - Hoàn thành từ 85% - dưới 100%: 50% điểm tối đa - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0 điểm 	<p>1. Ban hành Kế hoạch Kế hoạch CNTT của đơn vị</p> <p>2. Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo liệt kê các nhiệm vụ được giao và mức độ hoàn thành từng nhiệm vụ. (Hoàn thành/Chưa hoàn thành) - Tổng số nhiệm vụ được giao (a) - Số nhiệm vụ hoàn thành (b) 	<p>1. Ban hành Kế hoạch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời điểm ban hành Kế hoạch công nghệ thông tin (CNTT) của đơn vị kịp thời là thời điểm ban hành Kế hoạch chậm nhất trong vòng một tháng kể từ ngày Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản hướng dẫn xây dựng Kế hoạch (Công văn số 799/STTT-CNTT ngày 30/3/2023): đạt điểm tối đa; Ban hành sau thời điểm này là không kịp thời. 2. Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch <p>Trên cơ sở các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2023 của Thành phố (Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 01/3/2023) và của đơn vị, đơn vị đánh giá kết quả,</p>

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
					chỉ tiêu đã hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành trong năm, tính tỷ lệ % kết quả so với tổng số các nhiệm vụ, công việc, mục tiêu, chỉ tiêu trong Kế hoạch) và đối chiếu với thang điểm để chấm điểm. Tỷ lệ = b/a * 100
1.2	Triển khai mở dữ liệu theo quy định	1,5	Đơn vị đăng ký mở dữ liệu theo quy định và hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông: - Có và đúng thời gian quy định: điểm tối đa - Có nhưng chậm: 1đ - Không: 0 điểm	Văn bản đăng ký mở dữ liệu	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
1.3	Tỷ lệ hệ thống thông tin của đơn vị được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	0,5	- Tỷ lệ đạt 100%: Điểm tối đa. - Tỷ lệ dưới 100%: Điểm = Tỷ lệ * điểm tối đa	- Số lượng và danh sách các hệ thống thông tin do đơn vị là chủ quản (a) - Số lượng và danh sách Hệ thống thông tin do đơn vị là chủ quản đã được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin (b) - Quyết định phê duyệt cấp độ an toàn thông tin của các hệ thống thông tin	Tỷ lệ = b/a * 100%
2	Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước	1,5			
2.1	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng của	0,5	- Tất cả văn bản đến cơ quan, đơn vị thuộc Sở thực hiện tiếp nhận trên môi trường mạng khi đủ điều kiện theo quy định.	- Từ ứng dụng Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành tập trung của Thành phố (trường hợp các	Xác định tỷ lệ % hồ sơ công việc được giải quyết trên môi trường mạng theo công thức:

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
	các cơ quan, đơn vị thuộc Sở		<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản, hồ sơ công việc của cơ quan, đơn vị thuộc Sở được xử lý trên môi trường mạng đạt tỷ lệ: + 100%: điểm tối đa + Từ 60% đến dưới 100%: 50% điểm tối đa + Dưới 60%: 0 điểm 	cơ quan, đơn vị đã được triển khai) hoặc từ các ứng dụng Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc của đơn vị.	<ul style="list-style-type: none"> + Tổng số hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (gọi là a). + Tổng số hồ sơ công việc phải xử lý (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) (gọi là b) Tỷ lệ % = a/b * 100%
2.2	Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 3 cấp chính quyền	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - 100% cơ quan, đơn vị thuộc Sở đã kết nối gửi, nhận văn bản điện tử: điểm tối đa. - Từ 80% đến dưới 100% cơ quan, đơn vị thuộc Sở đã kết nối gửi, nhận văn bản điện tử: 50% điểm tối đa. - Dưới 80% cơ quan, đơn vị thuộc Sở thực hiện kết nối gửi, nhận văn bản điện tử: 0 điểm. 	Xác nhận tình hình thực hiện của các cơ quan, đơn vị qua Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành Thành phố. (Văn phòng UBND Thành phố phối hợp xác nhận)	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
2.3	Sử dụng Hệ thống báo cáo cấp Sở	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - 100% các báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất thực hiện trên môi trường mạng theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 7 Chương II Quyết định số 4267/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND Thành phố phải đúng thời hạn, chất lượng (được đơn vị yêu cầu báo cáo duyệt) trên Hệ thống Thông tin báo cáo Thành phố: điểm tối đa. - Từ 80% đến dưới 100% các báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất thực hiện trên môi trường mạng theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 7 Chương II Quyết định số 4267/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND Thành phố phải đúng thời hạn, chất lượng (được đơn vị yêu cầu báo cáo duyệt) trên Hệ thống Thông tin báo cáo Thành phố: 50% điểm tối đa 	Xác nhận tình hình thực hiện của các cơ quan, đơn vị qua Hệ thống Thông tin báo cáo Thành phố (Văn phòng UBND Thành phố phối hợp xác nhận)	<p>Xác định tỷ lệ % thực hiện báo cáo trên môi trường mạng theo công thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tổng số báo cáo được thực hiện trên môi trường mạng đúng thời hạn, chất lượng (được đơn vị yêu cầu báo cáo duyệt): gọi là a + Tổng số báo cáo phải thực hiện trên môi trường mạng theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 7 Chương II Quyết định số 4267/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND Thành phố: gọi là b. <p>Tỷ lệ % = a/b * 100%</p>

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
			- Dưới 80% các báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất thực hiện trên môi trường mạng theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 7 Chương II Quyết định số 4267/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND Thành phố phải đúng thời hạn, chất lượng (được đơn vị yêu cầu báo cáo duyệt) trên Hệ thống Thông tin báo cáo Thành phố: 0 điểm.		
3	Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức	2,5			
3.1	Sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	0,5	- Có sử dụng: điểm tối đa - Không sử dụng: 0	Văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Văn bản phân công giao nhiệm vụ.	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
3.2	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	0,5	- Có kế hoạch, văn bản triển khai: điểm tối đa - Không có kế hoạch, văn bản triển khai: 0đ	Kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai.	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
3.3	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	0,5	- Đạt 100% (đối với DVC đủ điều kiện, danh mục đã được UBND TP phê duyệt): điểm tối đa - Từ 80% đến dưới 100%: 50% điểm tối đa - Đạt dưới 50%: 0 điểm	Văn bản đề xuất	Đề xuất đơn giản hóa, tái cấu trúc DVC trực tuyến toàn trình.
3.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	0,5	- Thực hiện đầy đủ: 100% - Thực hiện chưa đầy đủ, kịp thời: 50% - Không thực hiện: 0%	Báo cáo	Văn bản triển khai, hỗ trợ người dân trong thực hiện hồ sơ trực tuyến toàn trình.
3.5	Thực hiện thanh toán trực tuyến	0,5	Tính điểm theo công thức: $(b/a)*100\%$. Trong đó: a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến - Đạt từ 80 – 100%: điểm tối đa.	- Danh sách TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính - Danh sách TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến hoặc không	Xác định điểm căn cứ việc triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
			- Đạt từ 60 đến dưới 80%: 50% điểm tối đa - Dưới 60%: 0	dùng tiền mặt. - Báo cáo - Báo cáo	
4	Thực hiện quy định về Một cửa hiện đại	0,5	- Đạt yêu cầu của Đề án và Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 03/01/2023 của UBND Thành phố triển khai thực hiện Đề án mô hình Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC hiện đại tại các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thành phố Hà Nội: điểm tối đa - Đã triển khai và đáp ứng 50% yêu cầu: 50% điểm tối đa - Chưa triển khai hoặc triển khai như đạt dưới 50%: 0	- Kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai. - Ảnh chụp. - Văn bản thể hiện kết quả kiểm tra (nếu có)	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
5	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 phiên bản mới nhất	3			
5.1	Công bố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản mới nhất vào hoạt động quản lý tại sở và đơn vị trực thuộc	1	- 100% cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện: điểm tối đa - Từ 85%- dưới 100% cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện: 50% điểm tối đa. - Dưới 85% cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện: 0	- Quyết định công bố và Bản công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. - Hình ảnh công khai chính sách chất lượng và Mục tiêu chất lượng năm 2023, niêm yết bản công bố của cơ quan, đơn vị (chụp tại nơi niêm yết công khai).	Các cơ quan hành chính thực hiện việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn theo quy định.
5.2	Duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu	1	- 100% cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện: điểm tối đa - Từ 85%- dưới 100% cơ quan, đơn vị trực thuộc	Kế hoạch đánh giá nội bộ, phiếu ghi chép trong quá trình đánh giá, báo cáo đánh giá tổng hợp và	Việc duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng của cơ quan thể hiện qua việc: Cập nhật các thay đổi của

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
	chuẩn ISO 9001 phiên bản mới nhất vào hoạt động quản lý tại sở và đơn vị trực thuộc		thực hiện: 50% điểm tối đa - Dưới 85% cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện: 0	Biên bản họp xem xét của lãnh đạo sau khi đánh giá nội bộ của năm 2023 - Phiếu yêu cầu hành động khắc phục (thực hiện Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục)	Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng; Thực hiện đánh giá nội bộ; Thực hiện kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục; Thực hiện họp xem xét của lãnh đạo.
5.3	Tỷ lệ quy trình ISO 9001 phiên bản mới nhất thực hiện đúng tiêu chuẩn trong hoạt động tại Sở và đơn vị trực thuộc	1	- 100% quy trình ISO 9001 triển khai đúng tiêu chuẩn: điểm tối đa - Từ 85%- dưới 100% quy trình ISO 9001 triển khai đúng tiêu chuẩn: 50% điểm tối đa - Dưới 85% quy trình ISO 9001 triển khai đúng tiêu chuẩn: 0	Danh mục các quy trình ISO được xây dựng và danh mục các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết. - Báo cáo của cơ quan và kết quả kiểm tra về việc thực hiện xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 kèm theo danh mục các quy trình ISO được xây dựng và danh mục các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.	Tính tỷ lệ % số quy trình thực hiện đúng tiêu chuẩn trên tổng số quy trình công bố
VIII	TÁC ĐỘNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ	2			
1	Hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội Thành phố giao	2	* Hoàn thành 100% chỉ tiêu: tối đa 0,75 đ + 85- dưới 100%: đạt 0,5đ + 70-84% đạt 0,25đ + <70% đạt 0 điểm	- Báo cáo, văn bản giải trình	Căn cứ vào các chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội được Thành phố giao trong năm, tiến độ báo cáo phục vụ kỳ họp HĐND Thành phố,

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
			<ul style="list-style-type: none"> * Hoàn thành 100% nhiệm vụ: tối đa 0,75đ + 85- dưới 100%: đạt 0,5đ + 70-84% đạt 0,25đ + <70% đạt 0 điểm * Tiến độ báo cáo phục vụ hợp HĐND TP (giữa năm+cuối năm): 0,5 đ - Đúng tiến độ giữa năm: 0,25đ - Đúng tiến độ cuối năm: 0,25đ 		<p>các đơn vị xem xét, đánh giá các chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội đã hoàn thành (số chỉ tiêu đã hoàn thành so với tổng số các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong Kế hoạch được Thành phố giao) và đối chiếu với thang điểm để chấm điểm.</p>

PHỤ LỤC 2
Hướng dẫn tự đánh giá chấm điểm xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2023
của UBND quận, huyện, thị xã

(Kèm theo Công văn số /SNV-CCHC ngày /10/2023 của Sở Nội vụ)

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC	17			
1	Ban hành và triển khai Kế hoạch CCHC	4,5			
1.1	Ban hành các Kế hoạch về CCHC (Kế hoạch CCHC năm; Kế hoạch khắc phục PAR, PAPI, SIPAS; Kế hoạch kiểm tra CCHC; Kế hoạch tuyên truyền CCHC...)	1,5	<p>1. Kế hoạch CCHC năm: Tối đa: 0,5đ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành đúng, đủ, kịp thời: điểm tối đa. - Ban hành đúng, đủ nhưng không kịp thời: 75% điểm tối đa. - Ban hành không đầy đủ, không kịp thời: 50% điểm tối đa - Không ban hành: 0đ <p>2. Kế hoạch khắc phục PAR-I và SIPAS: 0,25</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ban hành: tối đa - Không ban hành: 0đ <p>3. Kế hoạch Kiểm tra CCHC: Tối đa: 0,25đ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa - Ban hành không kịp thời: 50% điểm tối đa - Không ban hành: 0đ <p>4. Kế hoạch tuyên truyền CCHC: Tối đa: 0,25đ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ban hành KH riêng hoặc có tích hợp nội dung trong KH CCHC năm: điểm tối đa - Không có KH hoặc không tích hợp nội dung trong KH CCHC năm: 0đ 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch CCHC: ban hành trước 10/02/2023; có bố trí kinh phí thực hiện; các biểu phụ lục xác định chi tiết nhiệm vụ, tiến độ, sản phẩm. - Các Kế hoạch CCHC năm 2023; KH khắc phục PAR-Index và SIPAS; KH kiểm tra CCHC 2023; KH thông tin, tuyên truyền CCHC 2023; KH xác định chỉ số CCHC áp dụng đối với các phòng chuyên môn và UBND cấp xã trực thuộc. (Văn bản ký số điện tử, chứng minh thời gian ký và gửi) 	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
			5. Kế hoạch xác định chỉ số CCHC áp dụng đối với các phòng chuyên môn và UBND cấp xã trực thuộc: 0.25 - Có ban hành đúng, đủ, kịp thời: 0.25 - Không ban hành hoặc ban hành không đúng, đủ, kịp thời: 0.		
1.2	Chất lượng Kế hoạch (đúng, đủ, phù hợp với chỉ tiêu của Thành phố và Trung ương)	0,5	- Tất cả kế hoạch có chất lượng đạt yêu cầu: điểm tối đa - Có từ 01 Kế hoạch có chất lượng không đạt yêu cầu: 50% điểm tối đa - Từ 02 Kế hoạch trở lên có chất lượng không đạt yêu cầu: 0	Kế hoạch CCHC năm; Kế hoạch khắc phục PAR, PAPI, SIPAS; Kế hoạch kiểm tra CCHC; Kế hoạch tuyên truyền CCHC...	Trong trường hợp Kế hoạch (05 Kế hoạch) không được ban hành hoặc tích hợp nội dung, tiêu chí này đạt 0 điểm.
1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch	2,5	1. Kế hoạch CCHC năm: Tối đa: 0.5đ - Hoàn thành từ 85% - 100%: Tính điểm theo công thức: (Tổng tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100% - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0 2. Kế hoạch khắc phục PAR-I và SIPAS: 0.5đ - Hoàn thành từ 85% - 100%: Tính điểm theo công thức: (Tổng tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100% - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0 3. Kế hoạch Kiểm tra CCHC: Tối đa: 0,5đ - Hoàn thành từ 85% - 100%: Tính điểm theo công thức: (Tổng tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100% - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0 4. Kế hoạch thông tin tuyên truyền CCHC: Tối đa: 0,5đ - Hoàn thành từ 85% - 100%: Tính điểm theo công thức: (Tổng tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100% - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0	- Báo cáo hoặc các tài liệu kiểm chứng khác (hình ảnh, công văn, thông báo, quyết định...) - Danh mục các nhiệm vụ, sản phẩm (gồm các nhiệm vụ, sản phẩm được giao và các nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành).	- Trong trường hợp Kế hoạch (05 Kế hoạch) không được ban hành hoặc tích hợp nội dung, tiêu chí này đạt 0 điểm. - Thống kê số nhiệm vụ trong Kế hoạch và số nhiệm vụ đã hoàn thành để tính tỷ lệ %.

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
			5. Kế hoạch xác định chỉ số CCHC áp dụng đối với các phòng chuyên môn và UBND cấp xã trực thuộc: 0.5 - Hoàn thành: điểm tối đa - Không hoàn thành: 0 đ		
2	Công tác báo cáo nhiệm vụ CCHC 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm	2	- Tất cả báo cáo (04 báo cáo định kỳ: 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm) đều được gửi đầy đủ, đúng hạn, đảm bảo nội dung theo quy định: 2 điểm - Có 01 báo cáo gửi trễ hạn hoặc không đảm bảo nội dung theo quy định: 75% điểm tối đa - Có 02 báo cáo gửi trễ hạn hoặc không đảm bảo nội dung theo quy định: 50% điểm tối đa - Có 03 báo cáo gửi trễ hạn hoặc không đảm bảo nội dung theo quy định: 25% điểm tối đa - Có 04 báo cáo gửi trễ hạn hoặc không đảm bảo nội dung theo quy định: 0	- Báo cáo CCHC Quý I, 6 tháng, 9 tháng, báo cáo CCHC năm - Báo cáo kết quả thông tin tuyên truyền CCHC (gắn với Báo cáo CCHC định kỳ)	Báo cáo CCHC Quý I, 6 tháng, 9 tháng, báo cáo CCHC năm: - Thời hạn UBND Thành phố (qua Sở Nội vụ) nhận báo cáo chậm nhất ngày 15 của tháng cuối kỳ báo cáo. - Báo cáo có đủ nội dung, đúng mẫu theo quy định.
3	Công tác kiểm tra CCHC	2,5			
3.1	Tỷ lệ các cơ quan chuyên môn và đơn vị hành chính cấp xã được kiểm tra trong năm	0,5	- Hoàn thành từ 85% - 100%: Tính điểm theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100%. - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0	Báo cáo, biên bản, văn bản giải trình	Xác định số cơ quan, đơn vị được kiểm tra trên thực tế so với số cơ quan, đơn vị kiểm tra trong Kế hoạch để tính tỷ lệ %.
3.2	Hoàn thành việc khắc phục các tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm tra	2	Điểm đánh giá được tính theo công thức: (b/a) *điểm tối đa + (c/a)*50%*điểm tối đa Trong đó: a là tổng số vấn đề cần phải xử lý. b là số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý. c là số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành (có dự thảo). Trường hợp a = 0, đạt điểm tối đa	- Các biên bản, báo cáo, văn bản giải trình chứng minh việc có triển khai đi kiểm tra. - Văn bản chỉ đạo khắc phục sau kiểm tra (kiểm tra của đơn vị hoặc theo yêu cầu của Thành phố nếu có)	Qua kiểm tra, thống kê số lượng vấn đề phát hiện qua kiểm tra cần phải xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý, giải quyết và tính tỷ lệ %.

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
				- Báo cáo khắc phục các tồn tại sau kiểm tra (báo cáo khắc phục sau kiểm tra của đơn vị hoặc báo cáo khắc phục sau kiểm tra của Thành phố yêu cầu nếu có)	
4	Công tác tuyên truyền CCHC	1,5			
4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	0,5	- Hoàn thành từ 85% - 100%: Tính điểm theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100%. - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0	- Báo cáo/ hình ảnh, tờ rơi..... - Danh mục các nhiệm vụ, sản phẩm (gồm các nhiệm vụ, sản phẩm được giao và các nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành).	Trên cơ sở kết quả, sản phẩm trong kế hoạch, đơn vị xem xét kết quả, sản phẩm đã hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành trong năm, tính tỷ lệ % (số kết quả, sản phẩm hoàn thành, dự kiến hoàn thành so với tổng số các nhiệm vụ, công việc trong Kế hoạch) để tính tỷ lệ %
4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	1	01 hình thức tuyên truyền = 20% điểm tối đa	Báo cáo, hình ảnh, phim,... các tài liệu khác có liên quan... (Hình ảnh công khai việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của huyện và xã tại trụ sở UBND cấp huyện, cấp xã, nhà văn hóa, khu dân cư, Nhà cao tầng.. tại thôn/ tổ dân phố....; Hình ảnh chụp công khai (tại nơi niêm yết) việc cung cấp qua dịch vụ	- Thực hiện tuyên truyền đầy đủ nội dung theo Kế hoạch thông qua các kênh truyền thông: có tổ chức mở lớp bồi dưỡng về công tác CCHC và có các hình thức tuyên truyền Trên cổng (trang) thông tin điện tử của đơn vị, báo, đài phát thanh. - Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác như: facebook, zalo, qua tin nhắn

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
				bưu chính công ích của huyện và xã tại trụ sở UBND cấp huyện, cấp xã, nhà văn hóa, khu dân cư, Nhà cao tầng.. tại thôn/ tổ dân phố...)	điện thoại, tổ chức cuộc thi, tọa đàm, sân khấu hóa....
5	Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC	1,5	<ul style="list-style-type: none"> - Có từ 03 sáng kiến hoặc 01 sáng kiến được nhân rộng cấp Thành phố: điểm tối đa - Có từ 02 sáng kiến hoặc giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của cơ quan, đơn vị trong năm: 01đ - Có 01 sáng kiến hoặc giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của cơ quan, đơn vị trong năm: 0,5 - Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới: 0 	Tên văn bản minh chứng cho sáng kiến, hình ảnh, Video...	Sáng kiến là những giải pháp, biện pháp, mô hình, cách làm mới được cấp có thẩm quyền công nhận hoặc cấp huyện cho phép thí điểm; trường hợp sáng kiến, giải pháp chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng mang lại hiệu quả rõ rệt và không trái với các quy định pháp luật hiện hành thì vẫn được xem xét, ghi nhận; lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trong phạm vi quận, huyện; đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của quận, huyện hoặc Thành phố, được đơn vị tổng hợp, đánh giá trong báo cáo. - Đăng ký sáng kiến và đã

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
					triển khai, có kết quả (định lượng bằng số liệu cụ thể)
6	Đối thoại của lãnh đạo với người dân, doanh nghiệp, công tác tiếp công dân	1	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng, đủ các nội dung theo quy định: điểm tối đa - Thực hiện đúng, đủ theo quy định một trong hai nội dung: 50% điểm tối đa - Không thực hiện: 0 	<p>1. Đối thoại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản, báo cáo, hình ảnh, video, văn bản chỉ đạo..... - Văn bản chỉ đạo khắc phục các tồn tại qua đối thoại/hướng dẫn. - Báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại qua đối thoại/hướng dẫn (Nếu có). <p>2. Công tác tiếp công dân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản, báo cáo, hình ảnh số tiếp công dân, ảnh địa điểm tiếp công dân v.v... 	<p>1. Đối thoại: UBND Huyện, UBND cấp xã thuộc Huyện tổ chức đối thoại với người dân, tổ chức về thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính ít nhất 6 tháng/lần .</p> <ul style="list-style-type: none"> - UBND Huyện, UBND cấp xã thuộc Huyện thực hiện đúng, đủ trách nhiệm giải trình với người dân (Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 13/06/2022 của UBND Thành phố). <p>2. Công tác tiếp công dân Thực hiện đầy đủ các quy định về công tác tiếp công dân.</p>
7	Thực hiện các nhiệm vụ Thành phố giao (Kế hoạch, Kết luận hoặc văn bản khác)	2	Tính điểm theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100%.		Thống kê số nhiệm vụ được giao và số nhiệm vụ đã hoàn thành để tính tỷ lệ %.
8	Hiệu quả triển khai các nhiệm vụ CCHC theo lĩnh vực được phân công nhằm cải thiện các chỉ số PAR-	1	Hội đồng thẩm định căn cứ vào giải trình và tài liệu kiểm chứng của các cơ quan, đơn vị để xem xét, cho điểm đánh giá	- Kế hoạch triển khai Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 27/4/2023 về khắc phục tồn tại, hạn chế về kỷ cương hành chính, cải cách	- Căn cứ kết quả chỉ số PAR-Index, SIPAS, PAPI của thành phố Hà Nội liên quan đến trách nhiệm tham mưu của cơ quan, đơn vị và Kế

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
	Index, PAPI, SIPAS ... của Thành phố			<p>thủ tục hành chính và công tác thanh tra, kiểm tra công vụ năm 2023 và những năm tiếp theo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch, văn bản triển khai nâng cao chỉ số CCHC, PAPI, SIPAS của Thành phố. - Báo cáo, thống kê các nhiệm vụ đã triển khai nhằm nâng cao kết quả chỉ số PAR-Index, PAPI, SIPAS của Thành phố (triển khai các Kế hoạch của UBND Thành phố). 	<p>hoạch chi tiêu phần đầu cụ thể theo các TC, TCTP.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Kế hoạch và kết quả thực hiện các Kế hoạch cải thiện các chỉ số mà TP giao cho các cơ quan, đơn vị. - Kết quả chỉ số SIPAS của đơn vị.
9	Thực hiện các nhiệm vụ, quy định về thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh kiến nghị theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị	1	<p>1. Việc thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch: điểm tối đa 0,5 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo, kết luận: 0,25 - Kết quả thực hiện: 0,25 <p>2. Văn bản chỉ đạo: 0,5đ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc thực hiện các văn bản chỉ đạo: điểm tối đa 0,5 điểm - Đôn đốc thực hiện kết luận thanh tra: 0,25 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng quy định pháp luật (không có vụ việc quá hạn) - Đề xảy ra vụ việc chậm muộn; - Sai phạm bị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định. 	<p>Căn cứ theo Báo cáo của cơ quan, đơn vị và thông tin theo dõi của Thành phố để chấm điểm.</p>
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	6			
1	Theo dõi thi hành pháp luật	2			
1.1	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	1	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành 100% kế hoạch và đảm bảo thực hiện đầy đủ các nội dung (việc theo dõi, thực hiện ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện - Danh mục các nhiệm vụ, 	<p>Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm</p>

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
			<p>phạm pháp luật; bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật; tuân thủ pháp luật): điểm tối đa</p> <p>- Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: (Tỷ lệ % hoàn thành x 50% điểm tối đa)/ 100%</p> <p>- Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0 điểm</p> <p>* Trường hợp để xảy ra các sai phạm nổi cộm gây bức xúc trong dư luận: 0 điểm</p>	<p>sản phẩm (gồm các nhiệm vụ, sản phẩm được giao và các nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành).</p>	<p>chỉ số của tiêu chí này.</p> <p>- Kế hoạch TDTHPL hàng năm ban hành trước 15/02/2023, đầy đủ nội dung về TDTHPL thì được tính là ban hành kịp thời, đầy đủ; Kế hoạch trọng tâm, liên ngành được ban hành đảm bảo nội dung và thời hạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>Kết quả hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch, tổ chức thực hiện các nội dung về theo dõi thi hành pháp luật là cơ sở để chấm điểm.</p>
1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1	<p>- Đã xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật (bao gồm việc thực hiện phù hợp các nội dung tham mưu, đề nghị: ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tập huấn, phổ biến pháp luật; bảo đảm về tổ chức, biên chế, kinh phí và các điều kiện khác cho thi hành pháp luật; kịp thời tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực; thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật; sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp</p>	<p>- Văn bản chỉ đạo xử lý.</p> <p>- Báo cáo kết quả công tác theo dõi thi hành pháp luật và Báo cáo kiểm tra khảo sát TDTHPL.</p> <p>- Văn bản thể hiện việc đã xử lý</p>	<p>Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chỉ số của tiêu chí này.</p> <p>Trong trường hợp qua theo dõi thi hành pháp luật, xác định không có tồn tại, vi phạm, không có kiến nghị, đề xuất thì phải cung cấp các văn bản kết luận, báo cáo, tài liệu thể hiện rõ không có tồn tại vi phạm cần xử lý: chấm điểm tối đa</p>

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
			luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật...) khi có kiến nghị, đề xuất: điểm tối đa. - Không xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật khi có kiến nghị, đề xuất: 0 điểm		
2	Rà soát VBQPPL	2			
2.1	Ban hành và thực hiện kế hoạch rà soát VBQPPL	1	- Có ban hành và hoàn thành 100% kế hoạch: điểm tối đa - Có ban hành và hoàn thành từ 85% - dưới 100%: Tính điểm theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x 50% điểm tối đa)/ 100% - Không ban hành: 0 điểm	- Kế hoạch - Báo cáo - Danh mục các nhiệm vụ, sản phẩm (gồm các nhiệm vụ, sản phẩm được giao và các nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành)	Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chỉ số của tiêu chí này. Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2023 của đơn vị yêu cầu ban hành chậm nhất là ngày 31/01/2023. Ban hành sau ngày 31/01/2023 hoặc không ban hành thì không tính điểm. Trên cơ sở kết quả, sản phẩm trong kế hoạch, đơn vị xem xét kết quả, sản phẩm đã được hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành trong năm, tính tỷ lệ % (số kết quả, sản phẩm hoàn thành, dự kiến hoàn thành so với tổng số các nhiệm vụ, công việc trong Kế hoạch)
2.2	Kết quả xử lý sau rà soát	1	- Tất cả số văn bản đã hoàn thành việc xử lý: điểm tối đa - Tất cả số văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành: 50% điểm tối đa	- Văn bản chỉ đạo xử lý. - Báo cáo kết quả xử lý	- Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chỉ số của tiêu chí này.

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
			<p>- Tất cả số văn bản chưa xử lý: 0 điểm Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số văn bản cần xử lý. b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý. Trường hợp $a = 0$ thì đạt điểm tối đa</p>		<p>- Thông qua việc rà soát phát hiện những VBQPPL đã hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần, hoặc cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ để xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất việc xử lý theo đúng quy định.</p>
3	Tổ chức kiểm tra và tự kiểm tra việc thực hiện VBQPPL ở cấp huyện	2			
3.1	Kiểm tra việc thực hiện VBQPPL ở cấp huyện	1	<p>- Có ban hành kịp thời kế hoạch và hoàn thành 100% kế hoạch thực hiện tự kiểm tra VB QPPL (Nghị Quyết, Quyết định) của HĐND, UBND cấp quận, huyện, thị xã: điểm tối đa - Có ban hành kịp thời kế hoạch thực hiện tự kiểm tra VB QPPL (Nghị Quyết, Quyết định) của HĐND, UBND cấp quận, huyện, thị xã và hoàn thành từ 85% - dưới 100%: Tính điểm theo công thức: $(\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 50\% \text{ điểm tối đa}) / 100\%$ - Ban hành không kịp thời hoặc Không ban hành kế hoạch thực hiện tự kiểm tra VB QPPL (Nghị Quyết, Quyết định) của HĐND, UBND cấp quận, huyện, thị xã: 0 điểm.</p>	<p>- Kế hoạch, báo cáo, các văn bản triển khai....; - Văn bản chỉ đạo triển khai sau kiểm tra - Báo cáo kết quả . - Danh mục các nhiệm vụ, sản phẩm (gồm các nhiệm vụ, sản phẩm được giao và các nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành).</p>	<p>Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chỉ số của tiêu chí này. - Ban hành Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện VBQPPL năm 2023 của đơn vị chậm nhất là ngày 31/01/2023 - Trên cơ sở kết quả, sản phẩm trong kế hoạch, đơn vị xem xét kết quả, sản phẩm đã hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành trong năm, tính tỷ lệ % (số kết quả, sản phẩm hoàn thành, dự kiến hoàn thành so với tổng số các nhiệm vụ, công việc trong Kế hoạch) và đối chiếu với thang điểm để chấm điểm.</p>

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1	- Có văn bản đơn đốc, thực hiện kết luận kiểm tra, thanh tra, xử lý trách nhiệm (nếu có); có văn bản hoàn thành: điểm tối đa. - Không có văn bản đơn đốc, thực hiện kết luận kiểm tra, thanh tra, xử lý trách nhiệm (nếu có); không có văn bản hoàn thành: 0 điểm	- Văn bản đơn đốc, thực hiện kết luận kiểm tra, thanh tra - Văn bản hoàn thành hoặc đã có biện pháp xử lý, báo cáo kết quả xử lý kèm tài liệu thể hiện	Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chỉ số của tiêu chí này.
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG	9			
1	Kiến nghị, đề xuất, xử lý các vấn đề qua rà soát các TTHC	1,5			
1.1	Rà soát TTHC	0,75	- Thực hiện tự rà soát TTHC thuộc thẩm quyền (báo cáo rà soát, thực hiện công khai TTHC sau rà soát): điểm tối đa - Không tiến hành rà soát, không thực hiện công khai đầy đủ TTHC sau rà soát: 0	Công khai các TTHC sau rà soát (Thường xuyên, định kỳ). Báo cáo rà soát.	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
1.2	Kiến nghị, đề xuất xử lý các vấn đề qua rà soát	0,75	- Có TTHC phát hiện không đúng và kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo hoặc văn bản kiến nghị: điểm tối đa	Văn bản kiến nghị (nếu có)	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
2	Công khai TTHC	1	- Công khai đầy đủ, đúng quy định: 100% điểm tối đa - Đã công khai nhưng chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định: 50% điểm tối đa - Chưa công khai: 0	Báo cáo, Kết luận kiểm tra CCHC; Kiểm soát TTHC; ảnh chụp hoặc các tài liệu có căn cứ khác	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	1,5			
3.1	Tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành đầy đủ các văn bản về tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo quy định của Thành phố: 25% điểm tối đa - Bố trí người làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: 25% điểm tối đa - Thực hiện chế độ bồi dưỡng, cấp trang phục đối với người làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định của Thành phố: 25% điểm tối đa - Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: 25% điểm tối đa 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo, Quyết định, văn bản Quyết định thành lập hoặc kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; Nội quy, quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; Văn bản bố trí công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả 	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ quy định tại Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND Thành phố để bố trí công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. - Căn cứ quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và chỉ đạo của UBND Thành phố về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước thuộc Thành phố và các văn bản hướng dẫn thi hành.
3.2	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - 100% số TTHC thuộc thẩm quyền theo quy định thực hiện tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa cấp huyện (trừ các TTHC theo quy định chuyên ngành quy định khác) giải quyết của Huyện: điểm tối đa - Có số TTHC thuộc thẩm quyền theo quy định thực hiện tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa cấp huyện (trừ các TTHC theo quy định chuyên ngành quy định khác): 0 	Báo cáo, danh sách TTHC	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
3.3	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Có thực hiện: 0.5đ - Không thực hiện: 0đ 	Báo cáo	Không tính TTHC liên thông cùng cấp theo quy định. Chỉ tính TTHC do đơn vị chủ động thực hiện.

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	3			
4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 95 % - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức: Điểm tối đa - Dưới Từ 90 - 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 50% điểm tối đa - Dưới 90% hồ sơ TTHC trong năm giải quyết đúng hạn: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính hàng quý, năm. - Số liệu trên hệ thống phần mềm Một cửa. - Văn bản qua công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi của cơ quan quản lý. 	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 95 % - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức: Điểm tối đa - Dưới Từ 90 - 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 50% điểm tối đa - Dưới 90% hồ sơ TTHC trong năm giải quyết đúng hạn: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính hàng quý, năm. - Số liệu trên hệ thống phần mềm Một cửa. - Văn bản qua công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi của cơ quan quản lý. 	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
4.3	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	1	<ul style="list-style-type: none"> - Đầy đủ, đúng quy định: Điểm tối đa - Không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo giải trình; - Thư xin lỗi. 	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện	2			

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
5.1	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	1	- Tất cả kiến nghị đã được trả lời hoặc xử lý đúng quy định, đúng hạn: điểm tối đa; - Có phản ánh, kiến nghị không được trả lời đúng quy định hoặc trả lời trễ hạn: (Tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)	- Văn bản xử lý hoặc văn bản trả lời. - Văn bản chỉ đạo triển khai sau khi nhận phản ánh, kiến nghị - Báo cáo kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
5.2	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của UBND huyện, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn	1	- 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: điểm tối đa - Dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: 0	Báo cáo. Nội dung công khai.	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY	6			
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị	2			
1.1	Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn cấp huyện, đơn vị SNCL cấp huyện	0,5	- Thực hiện đúng thời gian quy định và có đầy đủ các nội dung: điểm tối đa - Thực hiện đầy đủ các nội dung nhưng chậm thời gian quy định/Thực hiện đúng thời gian quy định nhưng chưa đầy đủ các nội dung: 0,25 - Không thực hiện đúng quy định: 0	- Quyết định của UBND cấp huyện Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc đơn vị - Quyết định của UBND cấp huyện về việc ban hành Quy chế làm việc của đơn vị - Các văn bản giao bổ sung nhiệm vụ của Thành phố và văn bản triển khai của đơn	Chấm theo tài liệu kiểm chứng

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
				vị theo chỉ đạo của Thành phố.	
1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính, đơn vị SNCL và đơn vị hành chính cấp xã theo các tiêu chí	0,5	- 100% số các cơ quan, đơn vị thuộc Huyện có cơ cấu số lượng lãnh đạo quản lý đúng quy định: điểm tối đa - Có cơ quan, đơn vị thuộc Huyện bố trí thừa số lượng lãnh đạo quản lý theo quy định: 0	- Danh sách thống kê cấp trưởng, cấp phó 12 phòng và Đội QL TTXD đô thị; - Danh sách thống kê cấp trưởng, cấp phó đơn vị SNCL và đơn vị hành chính cấp xã	Chấm theo tài liệu kiểm chứng
1.3	Kết quả thực hiện giảm số lượng đầu mối tổ chức bên trong của cơ quan hành chính và đơn vị SNCL theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Thành phố	1	- Thực hiện đúng chỉ đạo: điểm tối đa - Thực hiện đúng chỉ đạo nhưng chậm thời gian quy định: 0,5 - Không đạt yêu cầu theo chỉ đạo: 0	Quyết định của Thủ trưởng đơn vị Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc đơn vị.	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
2	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế	1			
2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	0,5	- Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: điểm tối đa - Còn tồn tại (Biên chế còn nhưng không tuyển dụng, nộp báo cáo về biên chế chậm): 0,25 - Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao, Sử dụng Lao động hợp đồng không đúng theo quy định; Chế độ báo cáo không kịp thời: 0	- Quyết định của Thủ trưởng đơn vị về việc phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính năm 2023 - Danh sách trả lương - Báo cáo kế hoạch biên chế hằng năm - Kế hoạch tuyển dụng đã gửi Sở Nội vụ tổng hợp	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
2.2	Thực hiện quy định về Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách	0,5	- Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: điểm tối đa - Còn tồn tại (Biên chế còn nhưng không tuyển	- Quyết định của Thủ trưởng đơn vị về việc phân bổ chỉ tiêu biên chế hành	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
	nhà nước trong các đơn vị SNCL của huyện		dụng, nộp báo cáo về biên chế chậm): 0,25 - Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao, Sử dụng Lao động hợp đồng không đúng theo quy định; Chế độ báo cáo không kịp thời: 0	chính năm 2023 - Danh sách trả lương - Báo cáo kế hoạch biên chế hằng năm - Kế hoạch tuyển dụng đã gửi Sở Nội vụ tổng hợp	
3	Thực hiện phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước	1,5			
3.1	Thực hiện chỉ đạo của Thành phố về phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước do Thành phố ban hành	0,5	- Thực hiện đầy đủ các quy định và báo cáo đúng thời gian quy định: điểm tối đa - Thực hiện đầy đủ các quy định nhưng gửi báo cáo chậm so với thời gian quy định: 50% điểm tối đa - Không thực hiện đầy đủ các quy định hoặc không gửi báo cáo: 0	Báo cáo, văn bản chỉ đạo triển khai (văn bản phân cấp quản lý)...	Thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND thành phố Hà Nội về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội, Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc Thông qua Đề án phân cấp quản lý nhà nước, ủy quyền trên địa bàn thành phố Hà Nội, Quyết định số 49/QĐ-

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
					UBND ngày 30/12/2022 về ban hành quy định phân cấp một số thẩm quyền quản lý nhà nước của UBND thành phố Hà Nội về hạ tầng kỹ thuật, du lịch (Không bao gồm các nhiệm vụ trong Quyết định số 4610/QĐ-UBND của UBND Thành phố)
3.2	Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, ủy quyền cho cấp xã	0,5	<p>1. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp xã: 0,25</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ các quy định và báo cáo đúng thời gian quy định: điểm tối đa - Thực hiện đầy đủ các quy định nhưng gửi báo cáo chậm so với thời gian quy định: 50% điểm tối đa - Không thực hiện đầy đủ các quy định hoặc không gửi báo cáo: 0 <p>2. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã ủy quyền cho cấp xã: 0,25</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ các quy định và báo cáo đúng thời gian quy định: điểm tối đa - Thực hiện đầy đủ các quy định nhưng gửi báo cáo chậm so với thời gian quy định: 50% điểm tối đa - Không thực hiện đầy đủ các quy định hoặc không gửi báo cáo: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo, văn bản giải trình - Văn bản chỉ đạo triển khai việc kiểm tra - Báo cáo kết quả khắc phục sau kiểm tra (nếu có). 	<p>Các quận, huyện, thị xã nếu thực hiện đầy đủ các quy định về phân cấp theo quy định của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương ban hành; thực hiện theo Nghị quyết số 21/2016/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực, hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.</p>

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp, ủy quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ các quy định và báo cáo đúng thời gian quy định: điểm tối đa - Thực hiện đầy đủ các quy định nhưng gửi báo cáo chậm so với thời gian quy định: 50% điểm tối đa - Không thực hiện đầy đủ các quy định hoặc không gửi báo cáo: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo, văn bản giải trình (văn bản phân cấp quản lý)... 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo Nghị quyết 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý Nhà nước; các Nghị quyết: số 23/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 về thông qua Đề án phân cấp quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 về quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố và Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 quy định phân cấp một số thẩm quyền quản lý nhà nước của UBND thành phố Hà Nội về hạ tầng kỹ thuật, du lịch
4	Thực hiện quy định về Quy trình nội bộ giải quyết công việc ngoài TTHC của cơ quan, đơn vị	1,5	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ: điểm tối đa - Thực hiện không đầy đủ: 50% điểm tối đa - Không phê duyệt hoặc không đầy đủ; chậm tiến độ của Kế hoạch: 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt tên quy trình; Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị. - Văn bản đơn giản hóa theo tiến độ tại Kế hoạch 97/KH-UBND, Kế hoạch 281/KH-UBND của Thành phố và 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đủ 02 nhiệm vụ: + Phê duyệt đầy đủ tên danh mục quy trình; quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo đúng tiến độ của kế hoạch + Tham mưu, trình UBND Thành phố phê duyệt tên danh mục quy trình liên thông và nội dung quy trình liên

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
				các văn bản chỉ đạo liên quan.	thông giải quyết TTHC do Sở ngành chủ trì.
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	8			
1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	1,5			
1.1	Cập nhật, thực hiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa - Đầy đủ, đúng quy định nhưng chưa kịp thời: 0,25 - Không đầy đủ hoặc chưa kịp thời: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản, thông báo phân công công tác công chức, viên chức. - Văn bản kiểm tra triển khai việc thực hiện. - Báo cáo kết quả khắc phục qua kiểm tra. 	Bảng phân công công tác phải có đủ số liệu theo các tiêu chí: <ul style="list-style-type: none"> - Danh mục vị trí việc làm. - Số lượng người làm việc của từng vị trí việc làm. - Ngạch/chức danh nghề nghiệp của từng vị trí việc làm. - Bảng mô tả và Khung năng lực của từng vị trí việc làm
1.2	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của Huyện bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - 100% số cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Huyện thực hiện đúng cơ cấu công chức được phê duyệt: điểm tối đa - Từ 60% - dưới 100% số cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Huyện thực hiện đúng cơ cấu công chức được phê duyệt: Tính điểm theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/ 100%. - Dưới 60% số cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Huyện thực hiện đúng cơ cấu công chức được phê duyệt: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu tổng hợp số lượng công chức theo vị trí việc làm - Bảng phân công công tác công chức, viên chức - Văn bản kiểm tra triển khai việc thực hiện Đề án - Báo cáo kết quả khắc phục qua kiểm tra (nếu có) 	Bảng phân công công tác phải có đủ số liệu theo các tiêu chí: <ul style="list-style-type: none"> - Danh mục vị trí việc làm. - Số lượng người làm việc của từng vị trí việc làm. - Ngạch/chức danh nghề nghiệp của từng vị trí việc làm. - Bảng mô tả và Khung năng lực của từng vị trí việc làm.

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
1.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc Huyện bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - 100% số đơn vị bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt: điểm tối đa - Từ 60% - dưới 100% số đơn vị: điểm tính theo công thức: tỷ lệ đạt được * điểm tối đa - Dưới 60% số đơn vị: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng phân công công tác viên chức - Văn bản kiểm tra triển khai việc thực hiện Đề án - Báo cáo kết quả khắc phục qua kiểm tra (nếu có) 	<p>Bảng phân công công tác phải có đủ số liệu theo các tiêu chí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh mục vị trí việc làm. - Số lượng người làm việc của từng vị trí việc làm. - Ngạch/chức danh nghề nghiệp của từng vị trí việc làm. - Bảng mô tả và Khung năng lực của từng vị trí việc làm.
2	Tuyển dụng và sử dụng công chức, viên chức	1,5			
2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại UBND cấp huyện, cấp xã và tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện	1	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyển dụng công chức: tối đa 0,5 điểm + Thực hiện đúng quy định: điểm tối đa. + Thực hiện không đúng quy định: 0đ. - Công tác tuyển dụng viên chức: tối đa 0,5 điểm + Thực hiện đúng quy định: điểm tối đa. + Thực hiện không đúng quy định: 0đ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với công tác tuyển dụng công chức: Văn bản đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng công chức, văn bản giải trình lý do không đăng ký tuyển dụng công chức; - Đối với công tác tuyển dụng viên chức: Văn bản xin ý kiến thống nhất về chỉ tiêu và kế hoạch tuyển dụng viên chức, kế hoạch tuyển dụng viên chức được phê duyệt, công văn báo cáo kết quả tuyển dụng viên chức, văn bản giải trình lý do không thực hiện tuyển dụng viên chức. 	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
				- Các báo cáo, văn bản giải trình khác (nếu có)	
2.2	Sử dụng công chức, viên chức, công chức cấp xã theo quy định	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng quy định: điểm tối đa - Không thực hiện đúng: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Bản phân công công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị. - Văn bản chỉ đạo triển khai kiểm tra việc sử dụng. - Danh sách trả lương. 	Nghị định 138/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và các Thông tư hướng dẫn của Bộ, Ngành
3	Thực hiện quy định về bổ nhiệm, thi tuyển các chức danh lãnh đạo, quản lý	1	<ul style="list-style-type: none"> - 100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương; đơn vị sự nghiệp trực thuộc được bổ nhiệm (hoặc thi tuyển) đúng quy định: điểm tối đa - Bổ nhiệm (hoặc thi tuyển) không đảm bảo quy định: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thống kê số lượng bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương hoặc đơn vị sự nghiệp trực thuộc và tương đương. - Bảng tổng hợp số lượng tại thời điểm gần nhất (báo cáo gồm các đồng chí giữ chức vụ). - Báo cáo rà soát công tác cán bộ theo chỉ đạo của Sở Nội vụ, Thành phố. - Văn bản chỉ đạo triển khai kiểm tra thực hiện bổ nhiệm. 	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
				- Báo cáo kết quả khắc phục sau kiểm tra (nếu có).	
4	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	0,5	- Không có cán bộ, công chức, viên chức bị cơ quan cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền xử lý hoặc yêu cầu xử lý kỷ luật: điểm tối đa - Có cán bộ, công chức, viên chức bị cơ quan cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền xử lý hoặc yêu cầu xử lý kỷ luật: 0	- Văn bản chỉ đạo triển khai kiểm tra. - Báo cáo kết quả khắc phục sau kiểm tra (nếu có).	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
5	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1	- Hoàn thành 100% Kế hoạch được điểm tối đa - Hoàn thành từ 50% - dưới 100%: Tính điểm theo công thức (Tỉ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100% - Hoàn thành dưới 50% kế hoạch: 0	- Kế hoạch tổ chức các lớp ĐTBĐ được giao trong năm, Báo cáo kết quả ĐTBĐ 06 tháng, Báo cáo kết quả ĐTBĐ 12 tháng, Kế hoạch ĐTBĐ năm tiếp theo - Báo cáo công tác tổ chức lớp ĐTBĐ được giao chủ trì, quyết định, văn bản triệu tập học viên, quyết định cử CCVC tham gia ĐTBĐ.	Kết quả ĐTBĐ để tính điểm gồm 02 tiêu chí: (1) Tỉ lệ hoàn thành đối với các lớp ĐTBĐ được giao chủ trì (căn cứ Kế hoạch ĐTBĐ được UBND Thành phố giao trong năm): Số lớp thực hiện, số học viên tham gia ĐTBĐ, kinh phí tổ chức lớp..... (2) Tỉ lệ thực hiện nhiệm vụ ĐTBĐ: Việc báo cáo kết quả ĐTBĐ đúng hạn, xây dựng Kế hoạch ĐTBĐ năm tiếp theo đúng quy định và đúng hạn, việc cử học viên tham gia đầy đủ các lớp ĐTBĐ do Thành phố tổ chức, số lượng học viên tham gia các lớp ĐTBĐ do Thành phố tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ.....

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
6	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng tháng, hàng năm	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đúng quy định: điểm tối đa. - Thực hiện đúng quy định nhưng thời điểm báo cáo chậm: 0,25 - Không thực hiện đúng: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thống kê, tổng hợp tỷ lệ đánh giá cán bộ, công chức, viên chức các đơn vị và đơn vị trực thuộc - Kết quả đánh giá trên phần mềm 	Căn cứ theo TLKC, báo cáo của cơ quan, đơn vị và thông tin theo dõi của Thành phố để chấm điểm.
7	Chấp hành quy định về chuyển đổi vị trí công tác	1	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và ban hành Kế hoạch 0,25 điểm; trong đó: đảm bảo thời gian quy định 0,1 điểm; đảm bảo các nội dung yêu cầu 0,15 điểm, với mỗi nội dung không bảo đảm chất lượng, bị trừ 0,025 điểm. - Triển khai thực hiện Kế hoạch 0,25 điểm; trong đó: đảm bảo thực hiện 100% tổng số phải chuyển đổi theo kế hoạch 0,25 điểm; có thực hiện nhưng không đảm bảo thực hiện 100% tổng số phải chuyển đổi theo kế hoạch 0,15 điểm; không thực hiện 0 điểm. - Báo cáo việc thực hiện Kế hoạch 0,25 điểm; trong đó: đảm bảo thời gian quy định 0,1 điểm; đảm bảo nội dung yêu cầu 0,15 điểm. - Báo cáo sơ kết kết quả thực hiện Chuyên đề số 9 thuộc Chương trình số 10-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội 0,25 điểm; trong đó: đảm bảo thời gian quy định 0,1 điểm; đảm bảo các nội dung yêu cầu 0,15 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác - Quyết định điều động hoặc văn bản bố trí, phân công nhiệm vụ của người có chức vụ, quyền hạn theo quy định phân cấp quản lý cán bộ - Báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác - Báo cáo sơ kết kết quả thực hiện Chuyên đề số 9 thuộc Chương trình 10-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và ban hành Kế hoạch: Định kỳ (trong quý I hàng năm theo quy định tại Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của UBND Thành phố), người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải ban hành và công khai kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với người có chức vụ, quyền hạn theo thẩm quyền quản lý cán bộ; nội dung kế hoạch phải nêu rõ mục đích, yêu cầu, trường hợp cụ thể phải chuyển đổi vị trí công tác, thời gian thực hiện chuyển đổi, quyền, nghĩa vụ của người phải chuyển đổi vị trí công tác và biện pháp tổ chức thực hiện (theo quy định tại Điều 26 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018). Chủ động bám sát hướng dẫn của

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
					<p>Bộ quản lý theo ngành, lĩnh vực về danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo ngành, lĩnh vực tại chính quyền địa phương để kịp thời xây dựng, điều chỉnh phù hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triển khai thực hiện Kế hoạch: 100% cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ phải được thực hiện nghiêm túc quy định. - Báo cáo việc thực hiện Kế hoạch: Định kỳ (quý, 06 tháng, năm) báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác về Sở Nội vụ. Thời gian gửi báo cáo quý chậm nhất vào ngày 05 tháng cuối quý, báo cáo 06 tháng gửi chậm nhất vào ngày 05 tháng 6 năm 2023, báo cáo năm gửi chậm nhất vào ngày 05 tháng 12 năm 2023. - Báo cáo sơ kết kết quả thực hiện Chuyên đề số 9 thuộc Chương trình 10-CTr/TU

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
					<p>ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thành ủy Hà Nội theo biểu mẫu yêu cầu, gửi về Sở Nội vụ trước ngày 15 tháng 8 năm 2023.</p> <p>- Việc xác định thời gian thực hiện các nhiệm vụ về chấp hành quy định về chuyển đổi vị trí công tác của cơ quan, đơn vị thể hiện trên tài liệu kiểm chứng thực hiện theo Điều 7, Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan, tổ chức thuộc TPHN.</p>
8	Triển khai và duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn	1	<p>Tỷ lệ hồ sơ được cập nhật đầy đủ, kịp thời tính đến 01/10/2023:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% hồ sơ được cập nhật đầy đủ, kịp thời: 1 điểm; - Từ 80%- dưới 100% hồ sơ được cập nhật đầy đủ, kịp thời: 0,75 điểm; - Từ 70%- dưới 80% hồ sơ được cập nhật đầy đủ, kịp thời: 0,5 điểm - Từ 50%-dưới 70% hồ sơ được cập nhật đầy đủ, kịp thời: 0,25 điểm 	Báo cáo, giải trình	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ vào Hệ thống Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố và báo cáo bổ sung, giải trình, làm rõ của đơn vị (nếu có). - Việc kiểm chứng được cơ quan thẩm định kiểm tra độc lập qua hệ thống trực tuyến. Trường hợp cần có thêm thông tin, cơ quan thẩm định gửi Sở Nội vụ đề nghị đơn

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
			- Dưới 50% hồ sơ được cập nhật đầy đủ, kịp thời: 0 điểm		vị báo cáo bổ sung, giải trình, làm rõ
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	8			
1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	2			
1.1	Thực hiện công tác quản lý ngân sách và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công	0,5	Điểm tính theo công thức hoặc theo tỷ lệ giải ngân chung toàn thành phố	<ul style="list-style-type: none"> - Các đơn vị được giao dự toán: Gửi Báo cáo, các văn bản khác. - Các đơn vị không được giao dự toán: không cần gửi tài liệu kiểm chứng 	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với các đơn vị được giao dự toán: Điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% giải ngân KH vốn đầu tư công} \times \text{Điểm tối đa}) / (100\%)]$ - Đối với các đơn vị không được giao dự toán: tính theo tỷ lệ giải ngân chung của toàn Thành phố
1.2	Thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: Điểm tối đa - Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thẩm định Quyết toán NSNN hàng năm của Sở Tài chính; - Báo tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022 tại đơn vị hoặc các báo cáo có thể hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chí tính đến thời điểm 	Đánh giá đối với việc thực hiện quy định về sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách quận, huyện, thị xã

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
				đánh giá. - Các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán NN (nếu có). - Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài chính. - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)	
1.3	Thực hiện quy định về sử dụng kinh phí chi đầu tư	0,5	1. Thực hiện quy định về sử dụng kinh phí chi đầu tư khác: 0,25 - Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: Điểm tối đa - Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0 2. Thực hiện quy định về sử dụng kinh phí chi đầu tư công: 0,25 - Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: Điểm tối đa - Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0	- Thông báo thẩm định Quyết toán hàng năm; - Báo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí chi đầu tư tại đơn vị hoặc các báo cáo có thể hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chí tính đến thời điểm đánh giá. - Các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán NN (nếu có). - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)	Đánh giá đối với việc thực hiện quy định về sử dụng kinh phí chi đầu tư ngân sách Thành phố
1.4	Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	0,5	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong đó: a là tổng số tiền phải nộp NSNN b là số tiền đã nộp NSNN	- Các kết luận của thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan có thẩm quyền tại đơn vị trong 02 năm gần nhất; - Báo cáo kết quả thực hiện	b: Tổng số tiền đã thực hiện nộp NSNN trong 02 năm gần nhất theo kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách/ a: Tổng số tiền phải nộp NSNN theo kiến nghị sau

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
				kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của đơn vị; - Hồ sơ, tài liệu, chứng từ thể hiện số tiền đã nộp NSNN theo kiến nghị. - Kết quả theo dõi, đánh giá của cơ quan Tài chính. - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)	thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách về xử lý tài chính của đơn vị trong 02 năm gần nhất.
2	Lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách	1			
2.1	Xây dựng và báo cáo dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện xây dựng báo cáo đúng quy định về nội dung và gửi đúng thời hạn: điểm tối đa - Thực hiện xây dựng báo cáo đúng quy định về nội dung và gửi sau thời hạn: 50% điểm tối đa - Thực hiện xây dựng báo cáo không đúng quy định về nội dung: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo xây dựng dự toán năm 2024 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026; - Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022. - Văn bản chỉ đạo triển khai kiểm tra - Báo cáo kết quả khắc phục sau kiểm tra (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND các quận, huyện, thị xã xây dựng dự toán ngân sách năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026 theo đúng quy định tại Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 và kế hoạch tài chính-ngân sách Nhà nước 3 năm 2024-2026; Hướng dẫn số 4568/HD-STC ngày 07/8/2023 của Sở Tài chính về xây dựng dự toán ngân

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
					<p>sách Nhà nước năm 2024 và kế hoạch tài chính-ngân sách Nhà nước 3 năm 2023-2025;</p> <p>- UBND các quận, huyện, thị xã báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 thực hiện theo đúng nội dung quy định tại Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN; Thông tư 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm; Hướng dẫn số 7916/STC-QLNS ngày 29/12/2022 của Sở Tài chính, hướng dẫn công tác khóa sổ cuối năm và lập quyết toán NSNN; Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày</p>

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
					05/12/2017 của HĐND Thành phố về thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã, cấp huyện và thời hạn gửi báo cáo quyết toán ngân sách các cấp của thành phố Hà Nội; thời hạn gửi báo cáo quyết toán ngân sách về Sở Tài chính chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp của HĐND cấp huyện.
2.2	Thực hiện công khai dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, quyết toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt và gửi báo cáo theo quy định	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện công khai đúng quy định và gửi báo cáo đúng thời hạn: điểm tối đa - Thực hiện công khai đúng quy định và gửi báo cáo sau thời hạn: 50% điểm tối đa - Thực hiện công khai không đúng quy định hoặc không công khai: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định công khai; - Báo cáo tình hình công khai; - Văn bản chỉ đạo triển khai kiểm tra - Báo cáo kết quả khắc phục sau kiểm tra (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND quận, huyện, thị xã thực hiện công khai tài chính đối với quyết toán ngân sách năm 2022 và dự toán ngân sách năm 2023 theo nội dung, hình thức, thời điểm công khai quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách quy định (Báo cáo dự toán ngân sách huyện đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định, quyết toán ngân sách huyện đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn phải được công khai

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
					<p>chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày văn bản được ban hành).</p> <p>- Thời hạn gửi báo cáo kết quả công khai hàng năm đến Sở Tài chính là trước ngày 31/3 hàng năm (đối với công khai dự toán ngân sách năm hiện hành), trước ngày 30/9 hàng năm (đối với công khai quyết toán ngân sách năm trước) theo quy định tại Công văn số 3019/STC-QLNS ngày 18/5/2017 của Sở Tài chính về triển khai thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.</p>
3	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2			
3.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	1	<ul style="list-style-type: none"> - 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành (đúng hạn, phù hợp): 1 - 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành nhưng không đúng hạn hoặc không phù hợp): 0.5đ - Dưới 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là đối tượng phải ban hành Quy chế . - Bảng thống kê danh mục các Quy chế đã ban hành (nêu rõ tên văn bản, số ký hiệu, cơ quan ban hành và thời gian ban hành). - Gửi đại diện 02 - 05 quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ 	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại khoản 3 Điều 7 Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017. - Thống kê các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là đối tượng phải ban hành Quy chế . - Thống kê các cơ quan, đơn

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
				chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công.	vị thuộc phạm vi quản lý đã ban hành Quy chế - Tính tỉ lệ % giữa số cơ quan, đơn vị đã ban hành trong tổng số cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi đánh giá. Nếu tỉ lệ này đạt: + 100% số cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá là 1. + Dưới 100% số cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá là 0.
3.2	Thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	1	<ul style="list-style-type: none"> - Về việc thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: + 100% cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định: 0,75 + Có cơ quan, đơn vị có sai phạm bị phát hiện qua thanh, kiểm tra nhưng đã khắc phục kịp thời: 0,25 + Còn có cơ quan, đơn vị chưa thực hiện đúng quy định về quản lý sử dụng tài sản công hoặc chưa khắc phục sai phạm bị phát hiện qua thanh, kiểm tra (tính đến thời điểm đánh giá): 0 - Việc rà soát chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu vào cơ sở quốc gia về tài sản công: + Đã rà soát, chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu vào cơ sở quốc gia về tài sản công: 0,25 + Chưa rà soát chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu vào cơ sở quốc gia về tài sản công: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công. - Báo cáo kết xuất từ phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công. 	<ul style="list-style-type: none"> - Về việc thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: + 100% cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định: 0,75 + Có cơ quan, đơn vị có sai phạm bị phát hiện qua thanh, kiểm tra nhưng đã khắc phục kịp thời: 0,25 + Còn có cơ quan, đơn vị chưa thực hiện đúng quy định về quản lý sử dụng tài sản công hoặc chưa khắc phục sai phạm bị phát hiện qua thanh, kiểm tra (tính đến thời điểm đánh giá): 0 - Việc rà soát chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu vào cơ sở quốc gia về tài sản công:

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
					+ Đã rà soát, chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu vào cơ sở quốc gia về tài sản công: 0,25 + Chưa rà soát chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu vào cơ sở quốc gia về tài sản công:0
4	Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)	3			
4.1	Số đơn vị SNCL tăng mức độ tự chủ kinh phí chi thường xuyên trong năm theo kế hoạch	1	Trong năm đánh giá: - Đảm bảo số lượng nâng mức tự chủ theo Kế hoạch: 1. - Không đảm bảo số lượng nâng mức tự chủ theo Kế hoạch: 0	- Báo tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022 tại đơn vị hoặc các báo cáo có thể hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chí tính đến thời điểm đánh giá. - Các Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển ĐVSN công lập sang tự chủ tài chính của UBND các quận, huyện, thị xã và Kế hoạch 189/KH-UBND ngày 06/7/2022 của UBND Thành phố. - Các Quyết định giao tự	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
				<p>chủ tài chính của cấp có thẩm quyền. - Các tài liệu khác liên quan</p>	
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL	1	<p>- Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: điểm tối đa - Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0</p>	<p>- Thông báo thẩm định Quyết toán NSNN hàng năm của Sở Tài chính; - Báo cáo tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022 tại đơn vị hoặc các báo cáo có thể hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chí tính đến thời điểm đánh giá. - Các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán NN (nếu có). - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)</p>	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
4.3	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2021	1	<p>- Đạt tỷ lệ từ 10% trở lên: điểm tối đa - Đạt tỷ lệ dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % giảm chi trực tiếp NSNN x điểm tối đa)/10% - Trường hợp nhỏ hơn 0 thì đánh giá là 0</p>	<p>- Dự toán giao thu, chi ngân sách nhà nước đầu năm 2021, 2023 của các quận, huyện, thị xã - Tài liệu kiểm chứng khác nếu có</p>	Tỷ lệ % giảm chi trực tiếp NSNN cho ĐVSNCL trong năm đánh giá so với năm 2021 theo công thức: $(A-B)/A * 100\%$. Trong đó: - A tổng dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
					các quận, huyện, thị xã cấp cho các đơn vị sự nghiệp năm 2021 - B tổng dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước các quận, huyện, thị xã cấp cho các đơn vị sự nghiệp năm 2023
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	9,5			
1	Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu	2,5			
1.1	Xây dựng và triển khai Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng	1,5	<p>1. Ban hành Kế hoạch: điểm tối đa: 0,5</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành kịp thời: điểm tối đa - Ban hành, nhưng không kịp thời: 50% điểm tối đa - Không ban hành: 0 <p>2. Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch: điểm tối đa: 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành 100% các nhiệm vụ được giao: điểm tối đa - Hoàn thành từ 85% - dưới 100%: 50% điểm tối đa - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0 điểm 	<p>1. Ban hành Kế hoạch Kế hoạch CNTT của đơn vị</p> <p>2. Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo liệt kê các nhiệm vụ được giao và mức độ hoàn thành từng nhiệm vụ. (Hoàn thành/Chưa hoàn thành) - Tổng số nhiệm vụ được giao (a) - Số nhiệm vụ hoàn thành (b) 	<p>1. Ban hành Kế hoạch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời điểm ban hành Kế hoạch công nghệ thông tin (CNTT) của đơn vị kịp thời là thời điểm ban hành Kế hoạch chậm nhất trong vòng một tháng kể từ ngày Sở Thông tin và Truyền thông có văn bản hướng dẫn xây dựng Kế hoạch (Công văn số 799/STTT-CNTT ngày 30/3/2023) đạt điểm tối đa; Ban hành sau thời điểm này là không kịp thời. <p>2. Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong Kế</p>

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
					hoạch Trên cơ sở các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2023 của Thành phố (Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 01/3/2023) và của đơn vị, đơn vị đánh giá kết quả, chỉ tiêu đã hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành trong năm, tính tỷ lệ % kết quả so với tổng số các nhiệm vụ, công việc, mục tiêu, chỉ tiêu trong Kế hoạch) và đối chiếu với thang điểm để chấm điểm. Tỷ lệ = b/a * 100
1.2	Tỷ lệ hệ thống thông tin của đơn vị được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	1	- Tỷ lệ đạt 100%: Điểm tối đa. - Tỷ lệ dưới 100%: Điểm = Tỷ lệ * điểm tối đa	- Số lượng và danh sách các hệ thống thông tin do đơn vị là chủ quản (a) - Số lượng và danh sách Hệ thống thông tin do đơn vị là chủ quản đã được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin (b) - Quyết định phê duyệt cấp độ an toàn thông tin của các hệ thống thông tin	Tỷ lệ = b/a * 100%
2	Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước	1,5			

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
2.1	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng tại huyện	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - Tất cả văn bản đến cơ quan, đơn vị thuộc Sở thực hiện tiếp nhận trên môi trường mạng khi đủ điều kiện theo quy định. - Văn bản, hồ sơ công việc của cơ quan, đơn vị thuộc Sở được xử lý trên môi trường mạng đạt tỷ lệ: <ul style="list-style-type: none"> + 100%: điểm tối đa + Từ 60% đến dưới 100%: 50% điểm tối đa + Dưới 60%: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Từ ứng dụng Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành tập trung của Thành phố (trường hợp các cơ quan, đơn vị đã được triển khai) hoặc từ các ứng dụng Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc của đơn vị. 	<ul style="list-style-type: none"> Xác định tỷ lệ % hồ sơ công việc được giải quyết trên môi trường mạng theo công thức: <ul style="list-style-type: none"> + Tổng số hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (gọi là a). + Tổng số hồ sơ công việc phải xử lý (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) (gọi là b) Tỷ lệ % = $a/b * 100\%$
2.2	Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 3 cấp chính quyền	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - 100% cơ quan, đơn vị thuộc huyện đã kết nối gửi, nhận văn bản điện tử: điểm tối đa. - Từ 80% đến dưới 100% cơ quan, đơn vị thuộc huyện đã kết nối gửi, nhận văn bản điện tử: 50% điểm tối đa - Dưới 80% cơ quan, đơn vị thuộc huyện thực hiện kết nối gửi, nhận văn bản điện tử: 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> Xác nhận tình hình thực hiện của các cơ quan, đơn vị qua Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành Thành phố. (Văn phòng UBND Thành phố phối hợp xác nhận) 	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
2.3	Sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo cấp huyện	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - 100% các báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất thực hiện trên môi trường mạng theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 7 Chương II Quyết định số 4267/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND Thành phố phải đúng thời hạn, chất lượng (được đơn vị yêu cầu báo cáo duyệt) trên Hệ thống Thông tin báo cáo Thành phố: điểm tối đa. - Từ 80% đến dưới 100% các báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất thực hiện trên môi trường mạng theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 7 Chương II 	<ul style="list-style-type: none"> Xác nhận tình hình thực hiện của các cơ quan, đơn vị qua Hệ thống Thông tin báo cáo Thành phố (Văn phòng UBND Thành phố phối hợp xác nhận) 	<ul style="list-style-type: none"> Xác định tỷ lệ % thực hiện báo cáo trên môi trường mạng theo công thức: $+G53:G57$ <ul style="list-style-type: none"> + Tổng số báo cáo được thực hiện trên môi trường mạng đúng thời hạn, chất lượng (được đơn vị yêu cầu báo cáo duyệt): gọi là a + Tổng số báo cáo phải thực

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
			Quyết định số 4267/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND Thành phố phải đúng thời hạn, chất lượng (được đơn vị yêu cầu báo cáo duyệt) trên Hệ thống Thông tin báo cáo Thành phố: 0,25 điểm. - Dưới 80% các báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất thực hiện trên môi trường mạng theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 7 Chương II Quyết định số 4267/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND Thành phố phải đúng thời hạn, chất lượng (được đơn vị yêu cầu báo cáo duyệt) trên Hệ thống Thông tin báo cáo Thành phố: 0 điểm.		hiện trên môi trường mạng theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 7 Chương II Quyết định số 4267/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND Thành phố: gọi là b. Tỷ lệ % = a/b * 100%
3	Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức	2,5			
3.1	Sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC hiệu quả	0,5	- Có sử dụng: điểm tối đa - Không sử dụng: 0	Văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Văn bản phân công giao nhiệm vụ.	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
3.2	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	0,5	- Có kế hoạch, văn bản triển khai: điểm tối đa - Không có kế hoạch, văn bản triển khai: 0đ	Kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai.	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
3.3	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	0,5	- Thực hiện đầy đủ: điểm tối đa. - Thực hiện nhưng chưa đầy đủ, kịp thời: 50% điểm tối đa. - Không thực hiện: 0đ	Văn bản, tài liệu thể hiện việc triển khai các chỉ đạo của Thành phố. Văn bản triển khai thông tin truyền truyền.	Đánh giá việc triển khai các chỉ đạo của Thành phố, truyền truyền tại cơ quan, đơn vị.
3.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	0,5	- Thực hiện đầy đủ: 100% - Thực hiện chưa đầy đủ, kịp thời: 50% - Không thực hiện: 0%	Văn bản triển khai hỗ trợ người dân trong thực hiện hồ sơ trực tuyến toàn trình.	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
3.5	Thực hiện thanh toán trực tuyến	0,5	Tính điểm theo công thức: $(b/a)*100\%$. Trong đó: a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến - Đạt từ 80% – 100%: đạt điểm tối đa. - Đạt từ 60% đến dưới 80%: 50% điểm tối đa - Dưới 60%: 0	- Danh sách TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính - Danh sách TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến hoặc không dùng tiền mặt. - Báo cáo	Xác định điểm căn cứ việc triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.
4	Thực hiện quy định về Một cửa hiện đại	0,5	- Đạt yêu cầu của Đề án và Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 03/01/2023 của UBND Thành phố triển khai thực hiện Đề án mô hình Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC hiện đại tại các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thành phố Hà Nội: điểm tối đa - Đã triển khai và đáp ứng 50% yêu cầu: 50% điểm tối đa - Chưa triển khai hoặc triển khai như đạt dưới 50%: 0	- Kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai. - Ảnh chụp. - Văn bản thể hiện kết quả kiểm tra (nếu có)	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
5	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 phiên bản mới nhất	2,5			
5.1	Công bố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản mới nhất vào hoạt động quản lý tại UBND cấp huyện	0,5	- Có thực hiện đầy đủ, đúng quy định: điểm tối đa - Có thực hiện nhưng không đầy đủ: 50% điểm tối đa - Không thực hiện: 0đ	- Quyết định công bố và Bản công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. - Hình ảnh công khai chính sách chất lượng và Mục tiêu chất lượng năm 2023, niêm yết bản công bố của cơ	Các cơ quan hành chính thực hiện việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn theo quy định.

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
				quan, đơn vị (chụp tại nơi niêm yết công khai).	
5.2	Duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản mới nhất vào hoạt động quản lý tại UBND cấp huyện	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - 100% cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện: điểm tối đa - Từ 85% đến dưới 100% cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện: Tính điểm theo công thức: 0,25đ - Dưới 85% cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện: 0đ 	<ul style="list-style-type: none"> Kế hoạch đánh giá nội bộ, phiếu ghi chép trong quá trình đánh giá, báo cáo đánh giá tổng hợp và Biên bản họp xem xét của lãnh đạo sau khi đánh giá nội bộ của năm 2023. - Phiếu yêu cầu sửa đổi tài liệu (theo Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục). 	Việc duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng của cơ quan thể hiện qua việc: Cập nhật các thay đổi của Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng; Thực hiện đánh giá nội bộ; Thực hiện kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục; Thực hiện họp xem xét của lãnh đạo.
5.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã duy trì, cải tiến và công bố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản mới nhất vào hoạt động quản lý.	0,5	<ul style="list-style-type: none"> - 100% đơn vị thực hiện: điểm tối đa - Từ 85%- dưới 100% đơn vị thực hiện: 50% điểm tối đa. - Dưới 85% đơn vị thực hiện: 0đ 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định công bố và bản công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; Kế hoạch đánh giá nội bộ, phiếu ghi chép trong quá trình đánh giá, báo cáo đánh giá tổng hợp và Biên bản họp xem xét của lãnh đạo của năm 2023. - Hình ảnh công khai chính sách chất lượng và Mục tiêu chất lượng năm 2023, niêm yết bản công bố của các xã, 	UBND quận, huyện, thị xã thống kê các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn đã công bố Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 và duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng sau khi tự công bố thông qua việc thực hiện đánh giá nội bộ và xem xét của lãnh đạo theo quy định. Tính tỷ lệ % số đơn vị hành chính cấp xã đã thực hiện công bố và đánh giá nội bộ, xem xét của lãnh

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
				phường, thị trấn (tại nơi niêm yết công khai).	đạo trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn
5.4	Tỷ lệ cơ quan cấp huyện và đơn vị hành chính cấp xã áp dụng ISO 9001 phiên bản mới nhất trong quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC và thực hiện đúng tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản mới nhất trong hoạt động	1	<ul style="list-style-type: none"> - 100% quy trình ISO 9001 được áp dụng và triển khai đúng tiêu chuẩn: điểm tối đa - Từ 85%- dưới 100% quy trình ISO 9001 được áp dụng và triển khai đúng tiêu chuẩn: 0,5 điểm - Dưới 85% quy trình ISO 9001 được áp dụng và triển khai đúng tiêu chuẩn: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Danh mục các quy trình ISO được xây dựng và danh mục các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết. - Báo cáo của cơ quan và kết quả kiểm tra về việc thực hiện xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 kèm theo danh mục các quy trình ISO được xây dựng và danh mục các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết. 	Sau khi hoàn thành việc xây dựng quy trình và ban hành thì cơ quan phải áp dụng các quy trình vào hoạt động tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC của cơ quan. UBND quận, huyện, thị xã thống kê và tính tỷ lệ % số TTHC được áp dụng ISO trên tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện.
VIII	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI	6,5			
1	Mức độ thu hút đầu tư	1	<p>Mức độ thu hút đầu tư ngoài ngân sách trong năm, so với năm trước liền kề.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có tăng: 1 đ - Giữ nguyên: 0.5 đ - Giảm: 0 đ 	Báo cáo	Tính mức độ thu hút đầu tư ngoài ngân sách trong năm, so với năm trước liền kề.
2	Mức độ phát triển doanh nghiệp	1	<p>1. Số lượng Hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp trong năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng so với năm trước liền kề: 0.5 đ - Không tăng so với năm trước liền kề: 0 đ 	Báo cáo	<p>Thống kê:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng Hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp trong năm.

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm
			2. - Số lượng Hộ kinh doanh được thành lập mới trong năm: - Tăng so với năm trước liền kề: 0.5 đ - Không tăng so với năm trước liền kề: 0 đ		- Số lượng Hộ kinh doanh được thành lập mới trong năm
3	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của huyện theo Kế hoạch được Thành phố giao	1	- Kết quả thực hiện hoàn thành và vượt dự toán Thành phố giao: Điểm tối đa - Kết quả thực hiện không đạt dự toán Thành phố giao được tính theo công thức: (Tỷ lệ % thực hiện x điểm tối đa)/100%	Kết quả thực hiện dự toán Thu NSNN trên địa bàn năm 2023	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm
4	Hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội Thành phố giao	3,5	* Hoàn thành 100% chỉ tiêu: tối đa 1,5 đ + 85- dưới 100%: đạt 0,5đ + 70-84% đạt 0,25 đ + <70% đạt 0 điểm * Hoàn thành 100% nhiệm vụ: tối đa 1,5 đ + 85- dưới 100%: đạt 0,5đ + 70-84% đạt 0,25 đ + <70% đạt 0 điểm * Tiến độ báo cáo phục vụ họp HĐND TP (giữa năm+cuối năm): 0,5 đ Đúng tiến độ giữa năm: 0,25đ Đúng tiến độ cuối năm: 0,25đ	- Báo cáo, văn bản giải trình	Căn cứ vào các chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội được Thành phố giao trong năm, tiến độ báo cáo phục vụ kỳ họp HĐND Thành phố, các đơn vị xem xét, đánh giá các chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội đã hoàn thành (số chỉ tiêu đã hoàn thành so với tổng số các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong Kế hoạch được Thành phố giao) và đối chiếu với thang điểm để chấm điểm.